

DAI-VIỆT TAP-CHI

Revue bi-mensuelle — Paraissant les 1er et 16 de chaque mois
Giám-Đốc : HỒ-VĂN TRUNG *

A23304

GIA - LONG KHAI QUỐC

VĂN-THẦN

TẬP THỨ II

*Các văn-nhơn ra tá trợ vua Gia-Long
trong khoản từ năm 1788, sau khi
khắc phục Saigon rồi, tới năm 1802,
là năm khai quốc thành công.*

BIỂU-CHÁNH

HỒ VĂN-TRUNG

soạn

Số 47-48-49 — Ngày 16 Sept — 1er và 16 Oct. 1944



NHÀ XUẤT BẢN

ĐẠI - VIỆT

5, Rue de Reims 5 SAIGON



ĐÃ XUẤT BẢN :

Luân Lý Đạo Nho . . . của Trúc Hà
Vườn Xưa Ghé Mắt. Biều Chánh
Hồ Văn-Trung
Sốc-Trắng Lịch-Sử và Cồ-Tích Đào Văn-Hội
Con Nhà Hoang. . . . của Thân-Văn
Nguyễn Văn-Quý
Gia-Long Khai Quốc Văn Thần Hồ-Biều-Chánh

MỚI XUẤT BẢN :

Em Bé Ngọc Sơn (tiểu-thuyết)
của Đào-Thanh-Phước — 2 \$ 00

ĐƯƠNG IN :

Mẹ Ghẻ Con Ghẻ (tiểu thuyết)
của Hồ Biều-Chánh
Nam-Kỳ Lục-Tĩnh Địa-Dư Chí
do Thượng Tân Thị dịch theo nguyên
văn chữ Hán của Duy Minh-Thị

GIA - LONG KHAI QUỐC
VĂN - THẦN

TẬP THỨ II



MỤC - LỤC

	TRƯỜNG
1 Võ Trường Toản	5
2 Đồng Đức Thuật	12
3 Nguyễn-Hương	13
4 Ngô Tăng-Châu	14
5 Trình Hoài-Đức	19
6 Lê Quang-Định	28
7 Ngô Nhơn-Tĩnh	32
8 Lê Bá-Phẩm	35
9 Phạm Ngọc-Uân	39
10 Nguyễn Khắc-Thiệu	40
11 Trần Hưng Đại	43
12 Phạm Đăng Hưng	46
13 Đặng Đức Siêu	53
14 Trần Văn-Trạc	62
15 Nguyễn Tử-Châu	65
16 Đặng Trần-Thường	67
17 Nguyễn Đình Đức	75
18 Nguyễn Đăng-Huân	77
19 Nguyễn Tường-Vân	79
20 Nguyễn Đức-Huyền	81
21 Nguyễn Hoài-Quỳnh	83
22 Nguyễn Xuân-Thục	86
23 Nguyễn Dạy-Hàn	88

II

TRƯƠNG

24	Đỗ Thành-Lâm	88
25	Ngô Đức Tuấn	—
26	Trương Minh-Thành	90
27	Huỳnh Ngọc-Uân	91
28	Nguyễn Duy-Hòa	92
29	Lê Chánh-Lộ	96
30	Nguyễn Văn Lê	97
31	Lê Đăng-Khoa	—
32	Phạm Quang-Triết	98
33	Lê Đại-Nghĩa	99
34	Nguyễn Cửu Hanh	100
35	Lê Hoàng Đình	—
36	Trần Phước Tri	101
37	Nguyễn Tử-Trình	102
38	Nguyễn Thành-Chân	—
39	Trần Quang-Tịnh	103
40	Trần Công-Đàn	104
41	Lê Văn-Xuân	105
42	Nguyễn Hoài Châu	—
43	Nguyễn Công Thiệp	106
44	Nguyễn Xuân-Tĩnh	107
45	Trần Văn-Thời	108
46	Nguyễn Hữu Thận	109
47	Ngô Đình-Giới	112
48	Nguyễn Việt-Tiến	114



VỎ TRƯỜNG-TOẢN

THEO « Liệt truyện tiền biên » thì cụ Võ Trường-Toản gốc ở huyện Bình-Dương thuộc Gia-Định.

Mà trong bài bia khắc ở mộ cụ tại Bảo Thạnh (Bentre), do Phan Lương-Khê soạn, thì biêu đời trước hoặc nói cụ là người Thanh-Kê (Quảng Đức), hoặc nói cụ là người Bình-Dương (Gia Định). Việc ấy không thể định chắc được. Cũng không biết rõ lúc nhỏ cụ thọ nghiệp cùng thầy nào. Chỉ biết cụ là người có trí thông minh, lại có tài học uyên bác, bình sanh cụ lập chí cao khiết, cư xử theo thái-độ tiên triết tiên hiền. Lúc Tây-Son khởi loạn thì cụ đương ở tại Bình Dương, nơi dân nhỏ, phong, ẩn cư dạy học. Môn sanh của cụ kể tới mấy trăm. Ngô Tùng-Châu là môn sanh cao đệ nhất, kể đó thì là các cụ Trịnh Hoài-Đức, Lê Quang-Định, Ngô Nhơn-Tĩnh, Lê Bá-Phẩm, Phạm Ngọc-Uân, Nguyễn Khắc-Thiệu, năm 1788 do cụ Võ tiến cử ra làm quan tá trợ đức Cao-hoàng, đều đứng vào bậc rường cột của cuộc trung-hưng, nêu công nghiệp lớn lao, nêu iết nghĩa rực rỡ muôn đời. Lại còn có ông Chiêu,

ông Trúc, hai danh sĩ cao khiết, học với cụ thẫu nghĩa « tri ngôn dưỡng khí » nên ăn dật như cụ, không khứng làm quan.

Lúc đức Cao-hoàng ở Gia-Định lo cuộc trung-bưng, mặc dầu cụ Võ không làm quan, nhưng vua thường triệu cụ đến mà bàn luận đạo trị dân dẹp loạn. Lời cụ ứng đối làm cho vua rất thoả thích nên khen cụ là bậc cao thượng.

Năm Nhân-tý (1792), ngày mùng 9 tháng 6, cụ Võ Trường Toản mất. Môn sanh táng cụ tại làng Hòa-Hưng, thuộc huyện Bình-Dương. Đức Cao hoàng muốn biểu lộ lòng thương tiếc nên tặng cho cụ hiệu : « Gia-Định xữ-sĩ Sùng Đức Võ tiên sanh » để ghi vào mộ cụ.

Cụ Võ không có con. Nguyễn Khắc Thiệu, là con nuôi, thì mặc làm quan giúp vua, bởi vậy vua miễn lính cho người con nuôi khác, tên Trước để lo phụng tự cụ.

Năm Gia-Long thứ 18 (1819) vua lại cho người cháu trong họ, tên Đồng, lãnh coi phụng tự.

Năm Tự Đức thứ 5 (1852) vua dạy lập sanh-biểu tại làng Hoà-Hưng để kỷ niệm cụ. Bực đồng-nhơn ở Gia-Định lại biệp nhau lập đền thờ và hiến ruộng để mỗi năm xuân thu qui tế.

Cụ Võ Sùng-Đức tuy không làm quan, nhưng vì sở học uyên-thâm, sở hành cao-thượng, bởi vậy

lúc cụ còn sống thì được vua mến yêu, lúc cụ mất rồi cũng được vua quý trọng.

Mà mặc dầu cụ đã mất, công giáo hoá của cụ vẫn còn sống luôn luôn ; sĩ-phu ở xứ Đồng Nai bao giờ cũng tôn sùng cụ là bậc « thầy », mở dạy mỗi đạo rộng lớn tinh vi, ung đức lòng tiết nghĩa vững chắc cho dân gian vùng Nam-kỳ Lục-tỉnh.

Thử xem bài khảo cứu về « Khổng học ở đất Đồng Nai » của ông Ngạc-Xuyến đã đăng trong Đại-Việt Tập-Chí số 22, 23 tháng Septembre 1943, chúng ta sẽ thấy cách hơn 70 năm sau khi cụ Sùng-Đức tạ thế, mà cụ Kinh-Lược Phan Thanh-Giản và cụ Đốc-học Nguyễn Thông là hai danh-nobon rực rỡ của Nam-kỳ, vẫn còn chiêm ngưỡng tại học cụ Sùng-Đức.

Năm Tự-Đức thứ 19 (1866) cụ Kinh Lược Phan Thanh-Giản dạy cụ Đốc Học Nguyễn-Thông lập Văn thánh miếu Vĩnh Long xong rồi, cụ Phan có lập bi-vị thờ cụ Sùng Đức tại Túy-vân-lâu, sau đó kêu là Văn-xương các.

Năm Tự-Đức thứ 20 (1867) cụ Phan lại hiệp với cụ Nguyễn-Thông hội các thân-sĩ trong Lục-Tỉnh mà bàn việc dời mộ cụ Sùng-Đức ở Hoà-Hung đem di-hải về an táng tại đất giồng làng Bảo Thạnh, thuộc huyện Bảo An (Batri). Trong cuộc di-táng này, ủy thác cho Tú tài Võ gia-Hội nhóm hương-chức Hoà-Hung lo việc khai mộ và thâu

liệm hài cốt để vào quan quách mới, và ủy thác cho cụ Nguyễn Thông đứng chủ tang, chiếu theo lễ tế tiên-sư mà sắp đặt đồ tang phục. Lại cũng đem luôn di hài của nguyên phối và của ấu-nữ cụ Sùng Đức về Bảo-Thanh táng chung một chỗ.

Lễ kiết-táng xong rồi, cụ Phan có làm một bài mộ biểu với bài minh để dựng trước mộ.

Trong bài mộ-biểu có những câu này (1) :

« Ôi ! Ngắm non Thái, chỉ mong đi tới đánh ;

« Trông Đâu nam, chơn cổ nhón lên sao !

« Đồi với nhà xữ sĩ Võ tiên sanh ở Gia-Định,
« triu triu một tấm lòng thành.

.....

« Sở học của tiên-sanh đã tới bậc dày-dặn đầy

« đủ, chất thực, có thuật nghiệp thâm uyên,

« thông đạt.

.....

« Lại nghe tiên-sanh học rộng khắp các kinh

« và số trường nhứt một bộ Tứ-thơ. Ông Chiêu,

« nhà ăn-dật, là bậc túc học được theo tiên-sanh

« học thấu ughĩa « *tri ngôn dưỡng khí* ». Từng thấy

« tiên-sanh để trong sách võ lời này : « Sách Đại

« học một ngàn bảy trăm chữ, tan ra gồm vô số sự

« vật, tóm lại còn hai trăm chữ tóm nữa chỉ còn

« một chữ, lại tóm nữa thì một chữ cũng không ».

(1) Rút trong bốn dịch thuật của Ngạc Xuyên,

« Hay thay sở học của tiên sanh ! Thật là rộng
 « lớn mà tinh vi vậy. dầu đọc bất cứ ngàn muôn
 « kinh sách nào cũng rõ nghĩa-lý được. -

« Tiên-sanh không khứng ra làm quan, nên đại
 « khái không thấy được sự nghiệp. Từ thuở tiên-
 « sanh lấy lối học nghĩa lý để giáo hóa chẳng nỡ
 « đương thời đào tạo được nhiều bậc nhơn-tài mà
 « còn truyền thuật, giảng luận trau dồi về sau : tới
 « nay dân gian trong Lục-Tĩnh Nam Kỳ tổ lòng
 « trung nghĩa, căm phát, dám hi-sanh tới tánh mạng
 « xét ra tuy nhờ đức thần-nhân của quân vương
 « nhuần gội, cổ kết chặt nhơn-tâm, nhưng nếu
 « không có công đức mở mang huấn dụ của tiên-
 « sanh từ thuở trước, thì làm sao được có nhơn
 « tâm như thế ấy ? »

.....
 Còn bài minh của cụ Phan như vậy (1) :

« Than ôi ! Tốt thay vì tiên-sanh ; sở học kín
 « sâu, sở hành dày dặn, bình sanh hằng giấu kín
 « chôn lấp trong thâm tâm đều sáng suốt, tài lỗi-
 « lạc tinh anh. Tiên-sanh khác nào như một cái
 « chuông to, tùy theo sức người đánh, bỗng phát
 « ra tiếng lớn. Tiên-sanh yêu ta, dạy ta mỗi đạo
 « rộng. Kẽ hậu-giác như ta nhón chơn ngưỡng
 « trông cái đạo mà trọn « đời ta dùi không thể
 « lúng, ngẩn mặt trông không thấy hết.

(1) Chép y bốn dịch thuật Ngạc Xuyên.

« Càng già lại càng chắc chắn rõ rệt.

« Tiên-sanh gần bực ông Hà Phần (Vương-
« Thông, nhà Tùy), ông Lộc-Động (Châu-Hi, nhà
« Tống), ta khổ tâm mà trông cái đạo đồ sộ ấy.

« Sở dĩ Sùng-Đức Võ tiên-sanh còn để cho đời
« những vinh quang rực rỡ, vì tiên-sanh noi theo
« nhân nghĩa đạo đức, tước của trời, ban cho.

« Tự Đức năm thứ 20,丁卯 (1867), tháng
« 3 ngày 28. Kế vãng-sanh Phan Thanh Giản tẩm
« gọi trước để ghi bài mình ».

Còn về cụ Nguyễn-Thông sùng bái cụ Võ
Trưởng-Toản thì trong « Kỳ-Xuyên văn sao », quyển
I, có bài « Vĩnh Long Khổng-Tử miếu ký hậu »
như vậy (1) :

« Ở đất Nam-trung, từ hồi cụ Sùng Đức Võ
« phu-tử lấy nghĩa-lý trong thánh kinh để giáo hóa,
« thì hàng sĩ-phu đều tôn ngài làm bực thầy. Nên
« ai ai cũng tìm cho sáng nghĩa-lý, giữ cho trọn
« danh tiết, cầu được hạnh kiểm của bực sĩ-quân-tử ».

.....

Lại trong « Kỳ Xuyên văn sao », quyển II, có
bài viết sau khi làm xong mộ-biêu cho cụ Sùng-
Đức như vậy (1) :

« Từ Lương-Khe Phan tiên-sanh trở lên tới cụ
« Sùng-Đức Võ phu-tử, khoảng thời-gian không
« mấy xa.

(1) Rút trong bài dịch-thuật của Ngạc Xuyên.

« Sở học của Phan tiên sanh lấy chữ « Thành »
 « làm chủ đích ; trước hết lấy việc trị tánh-tình.
 « làm phương thiết-thực.

« Thời gần đây, tuy các nho-gia chưa xem xét
 « tới sở-học ấy, nhưng lời giảng luận xưa kia, câu
 « biên chép còn sót lại của cụ Sùng-Đức vẫn còn
 « triêm-nhiêm triệu triệu trong lòng. Sở-học của cụ
 « Sùng-Đức thật là thiết-thực thâm uyên, rất hiệp
 « với tư tưởng thánh hiền xưa vậy.

« Lương Khê tiên-sanh soạn bài biếu đề mộ cụ
 « Sùng Đức ba tháng trước ngày tuấn tiết. Đương
 « bời thiên hạ gian-nan loạn lạc, tiên sanh lo việc
 « tôn sùng đức nghiệp cụ Võ phu tử. Nhờ bài biếu
 « ấy mà đạo cụ Võ được suy tôn thêm và ý nghĩa
 « của thánh kinh càng thêm sáng rõ.

« Tự-Đức năm Nhâm thìn (1868, trước thanh-
 « minh 2 ngày, kẻ hậu-học kính biếu : Nguyễn-Thông.



ĐẶNG ĐỨC-THUẬT

CỤ Đặng Đức-Thuật tự Cửu-Tư, không rõ người gốc ở xứ nào, từ nhỏ thì đã có tài học rộng, làm thơ hay, nhất là có danh giới về môn sử-học.

Tránh loạn Tây-sơn, cụ cất nhà tại Phước sơn, thuộc Bình-Thuận, ở ẩn mà dạy học. Thuở ấy, học giả xưng cụ là « Đặng-gia sử-phái ».

Năm 1788, đức Cao-hoàng khắc phục thành Saigon, rồi thì cụ Đặng Đức Thuật cùng với cụ Lê-Đạt vào Gia-Định yết kiến vua. Vua thấy hai cụ là người lão thành, học rộng, thì yêu trọng nên phong cho hai cụ làm chức Hàn-lâm-viện Thi-giảng, Gián-ngự.

Cách chẳng bao lâu cụ Đạt mất.

Cụ Thuật bền tánh cương trực, gặp việc sai dám nói, nên thấy vua lập binh phạt nặng nề, cụ liền can gián xin vua hủy bỏ. Vua không nhậm lời. Cụ Thuật than phiền : « Làm Gián-ngự mà lời nói không công hiệu, thế thì gián-ngự nổi gì ». Cụ bỏ chức mà đi. Vua sai Giám-quân theo kiểm mới về triều. Sau cụ từng chinh mà mất.

Lúc cụ Đặng Đức-Thuật ở Gia-Định, các cụ Trịnh Hoài-Đức, Lê Quang-Định, Ngô Nhơn-Tĩnh và Nguyễn-Hương, nghe danh cụ làm thơ hay, thì đến thọ giáo với cụ. Thi học ở đất Gia-Định mà được nung cao và phát đạt, chánh lúc ấy là lúc đầu tiên.

NGUYỄN-HƯƠNG

CỤ Nguyễn-Hương gốc ở Bình-Thuận.

Cụ có danh về văn-học, song cụ thích ngâm vịnh hơn câu đái. Lúc đức Cao-hoàng mới khắc phục Saigon để làm căn-cứ mà dựng nghiệp trung-hung, thì cụ vào bộ kiến và thọ chức Hàn lâm Thị-thơ. Vì không có chí làm quan, nên chẳng bao cụ bỏ chức trở về quê xưa, để hằng ngày ngâm vịnh cho thỏa trí ý.

Cụ có để lại một tập thi.

Bài « *Thề được thi* » của cụ có câu như vậy :

Học đất trường sanh bí,

Bất cầu thiên-hạ văn.

Còn trong bài thi « *Sơn lộ* » có câu như vậy :

Sơn nhơn tự lai vãng,

Sơn thâm nhơn bất trị.

Có lẽ vì mấy câu ấy nên nhà chép sử cho cụ là người có tư-tướng xuất trần.



NGÔ TÙNG-CHÂU

NGÔ Tùng Châu gốc ở Phù-kiết, thuộc Bình-Định.

Lúc trẻ cụ vào Gia-Định du học cụ theo Võ-trường-Toản mà học thêm. Ấy vậy cụ cũng là môn đệ của Võ tiên-sanh, như « Gia-Định tam gia » đồng thời với cụ.

Cụ là người đôn chánh, thận trọng, có khí-tiết, có học-hạnh. Ra giúp đức Cao-hoàng trung hưng, ban đầu cụ được sung vào Hàn-lâm-viện, rồi thăng lên Chế-cáo, lãnh coi việc nông tang.

Đến sau cụ được bổ chức Lễ-bộ Tham-tri, và lãnh quyền Trấn-Biên Ký-lục. Chừng trở về cụ được thăng chức « Đông-Cung Phụ Đạo », song cũng thuộc bộ Lễ. Cụ cớ từ chức này, tâu với vua rằng : « Thần tại sơ bầnh bạc, lại thuộc về văn bang nhứt-nhất yếu-ớt, sợ không kham chức Phụ Đạo ». Vua phán Đông-cung là ngôi thứ nhì trong nước, phải chọn người đứng đẳng làm sư phó mới được ; nếu không có cụ thì không được, vậy cụ chẳng được cáo từ.

Cụ Ngô phải lãnh chức ấy Cụ tận tâm giữ cũ-chỉ mực-thước thẳng ngay, bất luận trong việc nào cụ cũng lấy lời chánh đáng mà tâu, không hề giấu giếm hay ái ngại.

Đông Cung rất lễ trọng cụ

Khi Hộ-bộ Tham-tri Nguyễn-văn-Mỹ mất, vua cho thờ vào Hiên-trung từ. Vả cụ Mỹ tuy có công lao nhiều nhưng làm quan có tánh tự liêm. Cụ Ngô bèn tâu với vua rằng « Hiên-Trung lập ra có ý để khuyến khích lòng trung của bá quan. Nguyễn văn-Mỹ là « đạo thần » không làm gương cho ai được ; vậy nên bỏ ra ». Vua nghĩ cụ Mỹ dạy công không nỡ bỏ, nhưng thâm khen lời giảng nghị thẳng của cụ Ngô.

Lúc ấy dân gian ở Gia-định tôn trọng Phật giáo. Vì việc chinh chiến ép buộc nên dân phải chịu nạn quân hưng dịch trọng. Nhiều người muốn khỏi đi lính, nên thí phất vào chùa mà tu. Vua dạy Lại bộ cáo thị cho dân biết rằng làm « thầy chùa » mà dưới 50 tuổi, thì cũng phải đi lính làm xâu như thường dân. Quần thần phần nhiều can gián xin vua đừng ra ra lệnh ấy. Vua dọ dự, chưa quyết định. Cụ Ngô bàn với Đông-cung rằng : « Chúa thượng ý muốn bỏ Phật-giáo, ấy là một nghĩa cử rất hay. Quần thần đã không tán thành mà lại còn kiếm lời ngăn cản. Nếu lệnh ấy không thi hành rồi dân gian hay được, thì sợ e chúng làm « thầy chùa » đông hơn trước bội phần. Vả thần chẳng có ý ghét riêng đám « thầy chùa » Song cái hại của Phật-giáo và Lão-giáo nhiều hơn cái hại của lý-thuyết Dương châu hay Mặc-dịch. Vì

vây thần phải tâu cho linh trên rõ ». Đông cung cho là phải. Cự Ngô bèn dựng sở tâu ngay, làm cho vua hết dự dự nữa.

Năm Kỷ-vị (1799) mùa hạ, khắc phục thành Bình-Định rồi, vua đề cử Võ-Tánh ở lại trấn thủ, có cho cử Ngô Tùng-Châu làm Hiệp-trấn. Sau đại binh Tây-sơn kéo vô vây thành. Trót hai năm trường cử Ngô tuy là văn quan, nhưng cử tận tâm phụ giúp với chánh tướng mà cố thủ, lo phương phòng ngự, lấy lời trung nghĩa khuyến khích sĩ-tốt làm cho ai cũng vui lòng liều chết mà cử địch, chẳng hề thối chí hay phản tâm.

Năm Tân-dậu (1801), mùa hạ, trong thành hết lương, thế không chịu nổi nữa, cử Võ-Tánh quyết lên giàn hỏa đặng tử-tiết cho toàn danh dự võ tướng. Một buổi sớm mời cử Ngô đến hỏi kế. Cử Võ-Tánh chỉ Bát-giác lâu mà nói : « Đó là kế của tôi ». Rồi cử lại nói tiếp « Tôi là chũ-tướng không thể sống cùng giặc được. Ông là văn quan, có lẽ giặc không nỡ làm hại. Vậy ông hãy liệu kế tự toàn ».

Cử Ngô cười mà đáp : « Lòng trung ái chỉ có một thứ mà thôi, dầu đối với văn hay với võ cũng vậy. Tướng-quân biết vì nước mà tử nạn, Tùng-Châu này há chẳng biết làm tôi phải tử trung hay sao ? ».

Cử Ngô trở về dinh, mặc triều phục lạy về bắc

kinhuyết rồi phục độc được mà chết. Cụ Võ Tánh nghe báo bèn than : « Ngô quân giành chết trước ta ! » Cụ thân hành đến coi tận liệm và táng cụ Ngô. Ngày ấy là ngày 25 tháng 5. Cách hai ngày sau cụ Võ Tánh lên giàn hỏa.

Vua thân phục Phú-xuân rồi, hay tin hai vị trung thần đã tử tiết, thì thương xót hết sức, bời thị thần là Phạm-ngọc Uân coi cụ Ngô có con hay không. Cụ Uân tâu rằng : Cụ Ngô có nuôi người cháu họ tên Tùng Hoãn làm con nuôi. Vua dạy phải hậu đãi người con ấy để đáp nghĩa trung thần và liền hạ lệnh chăm nom nhà cụ Ngô.

Gia-Long nguyên niên (1802) vua tặng cụ Ngô-tùng Châu tước « Táng tri Công thần, đặc tam phẩm, sai Vinh Lộc Đại-Phủ, Trụ-quốc, Thái tử, Thái sư, Quận Công » cùng với Hoài quốc Công Võ Tánh thờ chung trong Chiêu trung từ.

Năm Gia Long thứ 3 (1804) liệt tước vào Gia đình Hiền-trung-từ, lại cấp tự điền, tự dân mộ phu, dạy cháu là Tùng Hoãn phụng tự.

Năm Gia-Long thứ 4, (1805) cho thờ trong Thái miếu.

Năm Gia Long thứ 9, (1810) cho thờ trong Trung hưng Công thần miếu.

Năm Minh Mạng thứ 2, (1821) cấp tiền và lúa cho Ngô phu nhưn là Võ thị Tuế.

Năm Minh-Mạng thứ 5, cho thờ trong Thế-miếu.

Năm Minh Mạng thứ 12, truy tặng tước « Tá vận công thần, đặc tấn Vinh Lộc Đại phu, Hiệp biên Đại học sĩ, Thiếu sư, kiêm Thái-tử Thái sư, Ninh-Hòa Quận Công ».

Cháu cụ là Tùng-Hoãn mất, vua cho Tùng Hòa tập chức « Cầm-y Hiệu úy » coi phụng tự.



TRỊNH HOÀI-ĐỨC

TRỊNH Hoài-Đức, tên riêng là An, tự Chi-Sơn, hiệu Cẩn-Trai.

Tổ tiên hồi xưa là người Phước-Kiến, bên Trung Hoa, vốn dòng sĩ-hoạn Ông nội ngài, tên là Hội, lúc nhà Thanh mới dựng nghiệp đế, không khứng cạo đầu gióc bích theo tục Mãn-Châu, mới bỏ xứ qua nước Nam và tá ngụ tại Trấn Biên (Biênhoà). Ông thân-sanh của ngài, tên là Khánh, lúc nhỏ ham học lại có tài viết chữ lớn thiệt hay và đánh cờ tướng thiệt giỏi, nổi danh trong lúc ấy.

Triều Thế-tôn Hoàng đế (chúa Nguyễn, Võ-Vương, 1738-1765) vua nạp dụng ông Khánh cho làm chức Cai thầu ở An-Lương, rồi sau đổi làm Cai-đội coi cả ba trường là Qui-Nhon, Qui-Hoá và Bã-Canh.

Khi Trịnh Hoài-Đức vừa được 10 tuổi, thì thân sanh của ngài mất. Ngài có chí cần học, nhưng vì nhà nghèo phận cô, nên phải chịu nỗi khó khăn Mẹ ngài dời về ở Phan-Trấn (Giadinh) rồi cho ngài thọ giáo với cụ xứ-sĩ Võ Trường-Toãn. Nhờ gặp thầy hay nên sở học của ngài thiệt mau tấn phát.

Năm 1788, lúc Cao-hoàng khắc phục Gia-Định rồi, thì ngài cùng Lê Quang Định và mấy môn-sanh khác của cụ Võ Trường-Toản, được tiến cử ra tá trợ vua. Ngài thọ chức Hàn lâm-viện Chế-cáo. Qua năm sau ngài lãnh coi việc ruộng rẫy ở huyện Tân Bình (Gia Định) chăm lo khuyến dụ dân cần cù nông tang. Kế ngài sung vào bộ Hình để xem xét văn án và tập cho hiểu rõ việc chánh-trị. Sau ngài lại sung chức Đông-Cung Thị-giāng, phò Đông-Cung ra trấn Diên-Khánh. Chừng Đông-Cung tấn binh đánh Phú-Yên, thì ngài dự coi việc cơ mật trong trường.

Năm 1794, ngài ra lãnh chức Ký-lục tại Trấn Định-dinh (Mytho), rồi kế thăng chức Hữu Tham-tri về bộ Hộ, luôn luôn theo đại binh, quả độc việc chỗ chuyên lương lương để cung cấp cho quân lính.

Năm 1801, mùa hạ, đức Cao-hoàng khắc phục Phú Xuân rồi mới sai các ông Lê-văn Duyệt, Tổng viết Phước đem binh trở vô giải vây cho thành Qui-Nhơn. Trịnh Hoài Đức theo quân vô coi thâu lúa gạo vùng Quảng Nam, Quảng Ngãi dâng cấp cho binh lính dùng.

Qua năm sau, tháng 3, Trần quang-Diệu bỏ Qui-Nhơn mà trốn rồi thì ngài theo cụ Nguyễn vầu Thành để khám xét về việc bỏ

Đến tháng 5 năm ấy, vua lập Lục bộ Thượng

thor rồi, bèn triệu Trịnh Hoài-Đức về triều thăng ngài làm Thượng-thor bộ Hộ, rồi cho sung chức Chánh sử đặng đi sứ qua Thanh-triều, cùng hai Phó-sứ là Binh-bộ Tham-tri Ngô-Nhơn-Tĩnh và Hình-bộ Tham tri Huỳnh ngọc-Uẩn.

Sứ bộ lãnh đem quốc thư, phẩm vật cùng ấn sách của Tây-Son, qua đưng cho Thanh-triều, lại giải luôn bọn cướp biển là Đông hải vương Mạc quan Phò với Thông binh Lương-văn-Canh Phan-văn-Tài. Sứ-bộ đi hai chiếc chiến-thuyền « Bạch-yến » và « Huyền-hạc » từ cửa Thuận An ra biển gặp bão làm cho hai chiếc phân rẽ, đến tháng 7 mới vào Hồ môn quan ở Việt Đông: Tổng Đốc lương Quãng (Quãng Đông và Quãng Tây) liền thông tin cho Thanh triều hay. Vua nhà Thanh dạy sứ bộ do ngã Quãng-Tây mà lên Kinh. Kế sứ bộ hay tin binh Nguyễn khắc phục sơn hà hoàn toàn từ nam chí bắc và vua đã phái một đoàn sứ bộ khác, do Thượng thor Lê-quang-Định làm Chánh-sứ, đi qua Tàu thỉnh phong. Sứ bộ cụ Trịnh bèn tạm ngừng ở tỉnh Quế (Quãng Tây) đặng hiệp nhau đi một lượt.

Năm 1803, tháng tư, hai sứ bộ ở Quãng Tây mới xuống thuyền đi lên Hán-khẩu, thuộc huyện Hán dương, tỉnh Hồ Bắc, rồi lên bộ noi theo Vạn lý trường thành mà qua Cổ bắc Khẩu. Đến tháng 8 mới vào đất Nhiệt-Hà, thuộc Mãn-Châu và đến hành tại bãi yết vua nhà Thanh. (Từ xưa chưa có

đoàn sứ bộ nào đến đây.) Trong tháng ấy hai sứ bộ vào bệ từ vua nhà Thanh, rồi trở xuống Quảng Tây hiệp với Ấn-sát sứ Tề-bô Sum do cửa Nam-quan mà về nước.

Năm Gia-Long thứ 3 (1804), mùa xuân, làm tuyên phong thì cụ Trịnh-Hoài-Đức được sung làm Thông dịch sứ. Lễ bang-giao xong rồi, cụ Trịnh phò giá về Kinh và lãnh bộ vụ như cũ. Năm ấy cụ Nguyễn-Kỳ-Kế cũng làm chức Chánh khanh trong bộ Hộ. Vua bèn dạy cụ Trịnh Hoài-Đức chuyên coi việc trưng thâu, còn cụ Nguyễn Kỳ Kế thì coi việc xuất phát.

Năm 1805 vua giao chức Tổng Trấn Gia định cho cụ Nguyễn văn Trương, thì vua sai cụ Trịnh Hoài Đức theo giúp việc cai trị trong trấn. Đến năm 1808 vua đổi Gia định trấn làm Gia định thành, triệu cụ Nguyễn văn-Trương về Kinh và sai cụ Nguyễn văn Nhơn vào thế chức Tổng Trấn thành Gia-Định, thì vua sung cụ Trịnh Hoài-Đức làm Hiệp Tổng-Trấn.

Năm 1812, cụ Trịnh Hoài Đức về Kinh dự lễ minh-lăng của Hiếu-Khương Hoàng hậu. Đến tháng 7 ngài lãnh chức Thượng-thor bộ Lễ, lại coi luôn Khâm-thiên-giám.

Năm 1813, ngài đổi làm Thượng-thor bộ Lại.

Năm 1816, ngài được lãnh lại chức Gia-Định Hiệp Tổng-trấn, để giúp sức với cụ Nguyễn Huỳnh

Đức mới được lĩnh thế chức Tổng trấn cho cụ Lê văn-Duyệt về Kinh.

Minh-Mạng nguyên-niên (1920) lúc Tổng-Trấn (sử biên là Nguyễn văn Nhơn) mắc về Kinh, thì cụ Trịnh Hoài Đức phải quyền lãnh ấn Tổng-Trấn cho đến mùa hạ, có cụ Lê văn Duyệt vào thay thế, ngài mới được chiếu triệu về Kinh lãnh chức Thượng thư bộ Lại.

Lúc đức Minh-Mạng mới nối ngôi vua thì triều đình có người tâu với vua xin noi theo phép « vô vi » hồi xưa mà hủy quyền cho tôi dưới lo trị nước. Lại vua dạy đình thần nghị việc truy tặng gia tước cho Trưng quốc-công. Cụ Trịnh Hoài-Đức giải rành rõ ý nghĩa phép « vô vi », nếu không mệt trước thì làm sao được khỏe, phải « hữu vi » trước rồi sau mới « vô vi ». Ngài lại trưng lễ nhà Châu mà tâu việc truy gia, cho cách sắp đặt thờ phụng tổ tiên của đức Thế-tổ Cao hoàng đế la biệp lễ, và xin để như cũ. Vua nhậm cả lời tâu của ngài, khen là lời ngay thiệt.

Năm 1821, ngài được sung làm Sứ quán Phó Tổng tài, rồi kế được thăng thụ Hiệp biện Đại học sĩ, lãnh chức Thượng-Thư cả hai bộ là bộ Lại và bộ Binh.

Trong triều nhà Nguyễn, từ trước tới đây bên ban văn quan chưa có ai được thụ nhứt phẩm. Đức Minh-Mạng muốn thăng cụ Trịnh lên nhứt phẩm,

bèn hỏi ý-kiến mấy đại-thần. Các cụ Nguyễn-văn-Nnon, Nguyễn đức Xuyên đều tâu rằng cụ Trịnh đáng thọ nhưn phẩm.

Cụ Trịnh hay việc ấy liền dâng biểu xin từ, Vua phải cặn lời khuyến dụ ngài mới chịu tỵ chức, gia công lo lắng để đền đáp ơn trên. Mùa đông năm ấy ngài phò giá đi Bắc tuần ; chừng trở về ngài dâng hai bộ sách lịch-dự kỷ đã làm xong là bộ « *Ngươn-Khương* » và « *Tế-Lục* ».

Năm Minh-Mạng thứ 3 (1822), mùa xuân, vua mở hội thi kêu là « ân khoa » giao cho cụ Trịnh Hoài-Đức làm Chủ khảo Đến điện-thí, ngài lại được sung làm Độc-quyện quan, để đọc bài thi của cử-tử cho vua nghe.

Mùa thu, ngài dâng biểu tâu rằng quốc gia tuy an, song không nên quên việc phòng thủ, ngài xin sắp đặt vũ bị, thay thế các tướng-sĩ già hoặc chết, luyện tập binh lính cho thành thục. Vua phê theo lời ngài xin,

Vua hay ngài không có nhà riêng, bèn ban cho ngài hai ngàn quan tiền và cây, cột, ngói, gạch để ngài cất tư-dự mà ở cho thông-thả. Ngài mới chọn một chỗ ở ngoài đông-môn mà kiến trúc một biệt thự kêu là Quì-viên.

Kể ngài lại gồm lãnh coi luôn bộ Lễ nữa.

Năm 1823, ngài già lại có bệnh, ngài dâng biểu xin cho hưu trí, viện lẽ rằng vợ chết trong

Gia Định chưa chôn, con mắc lo tang mẹ, biền nay ngài đau, không có người săn sóc ; ngài xin phép do đường biếu mà về Gia-Định an nghỉ, dặng rồi có chết thì nằm tại cố hương. Vua xem lời trần tấu tha thiết thì động lòng, liền sai Lê-bộ Phạm Đăng Hưng đi thăm bệnh, dạy ân cần trao lời khuyên dụ ở lại, phải nói rằng : lời khanh trần tấu khiến cho ai đọc cũng phải rơi nước mắt. Từ ngày khanh lên vị Hiệp-Biên Đại-học sĩ thì các việc trọng hệ về quân, về nước, phần nhiều nhờ khanh nên được ổn thoả an bài. Trẫm vừa mới được khanh tá trợ, tình yêu chưa thoã, khanh là người trung thành minh đạt, há khanh không vì lòng cảm nhớ của trẫm hay sao mà nói chuyện về Nam. Vả việc vợ mất là gia-tình thiết đờn đau, nhưng không ai tránh khỏi. Vậy nên lấy lễ mà làm cho trọn niềm phu phụ, chớ biết làm sao bây giờ. Huống chi hiện nay khanh đương lâm bệnh nặng, lực giảm khi suy, đi làm sao cho tiện. Vậy khanh nên tịnh dưỡng. Trẫm sẽ giải hết công việc trong mấy bộ để khanh rảnh rang mà uống thuốc. Người lành trời sẽ giúp có lo gì tật không giải, bệnh không trừ. Nếu nay để cho khanh đi, thì đường xa sống gió, trẫm làm sao mà an lòng được. Ví như phương Nam ấm-áp, có thể trừ chứng bệnh rét của khanh thì cũng phải chờ cho bệnh bớt, sức phục rồi sẽ đi về thăm nhà. Còn khanh tổ ý muốn ngày chết được nằm ở

cổ hương, lời ấy làm cho người ta khó giải hết sức. Khanh là một vị đại-thần trong nước, có lẽ nào khanh muốn việc nhỏ mọn như vậy mà không được. Nói tóm lại, khanh cứ an lòng dưỡng bệnh, tức nhiên sức vượng khí cường, chẳng nên lấy việc nhỏ mọn mà làm bận lòng, nên tự bảo lấy thân vàng ngọc, để giúp trăm lâu dài cho hiệp với lòng ước vọng của trăm thi tốt hơn.

Vua bèn dạy giao hết các việc trong bộ Lại và bộ Lễ cho người khác tạm coi, lại ban sâm quế thêm cho cụ Trịnh dưỡng bệnh. Qua mùa đông, bệnh dứt, ngài dựng biếu tạ ơn vua rồi phục chức lại như trước. Cách 10 ngày sau ngài dựng biếu xin phép nghỉ 3 tháng vắng về thăm nhà. Bất đắc dĩ vua phải cho phép nghỉ.

Năm 1824 ngài trở ra Kinh lãnh bộ Lại và bộ Lễ lại như cũ. Mùa thu ngài được sung chức Tổng-tài coi tu ngọc-phổ và coi luôn việc thương thuyền.

Năm 1825, mùa xuân, ngài mất, thọ 61 tuổi. Vua hay tin hết sức buồn tiếc, dạy bãi triều ba ngày, ban sổ sa, gấm lụa, dầu đèn, lặt *Thiếu-phó Cần-chánh-điện Đại học sĩ* và cho một đàn lễ. Đến ngày qui táng, vua lại phái Hoàng-Tử Miên-Hoảng thay mặt cho vua đến tại tang đệ mà ban một chén rượu đưa linh, tỏ lòng hậu trọng, thuở nay quần thần chưa có ai được vậy.

Chứng linh-cửu đưa về tới Gia-Định, cụ Lê-

văn Duyệt đương làm Tổng trấn, bèn thân đến bái
điều. Cụ nói với người ta : « Quan Trịnh Hiệp-
bệ đời nay là người khá lắm vậy ».

Năm Tự-Đức thứ 5 (1852) cụ Trịnh được thờ
vào miếu Trung hưng công thần. Năm 1858, lại còn
được liệt thờ vào Hiền-lương-lũ.

Sử biên cụ Trịnh Hoài Đức là người cần thận,
phong độ trầm chỉnh, học vấn rộng rãi, nghị luận
thường giữ đại thể. Về đức nghiệp văn chương
thì ngài có để lại cho đời mấy tác-phẩm này :

Gia-Định thông chí ;

Cẩn-Trai thi tập ;

Bắc sử thi tập ;

Gia-Định tam gia thi tập.

Ngài có 2 người con : Như và Cẩn. Như làm
quan đến chức Lang-trung rồi mất. Còn Cẩn cưới
Công chúa, làm chức Phò-mã Đô-úy.

Trong chùa minh-hương hiệu Gia-Thạnh ở
Cholon, có thần-vị thờ ngài với cụ Ngô Nhơn-Tĩnh.

Mộ ngài nằm tại làng Bình-Trước, thuộc tỉnh
Biên Hoà bây giờ.



LÊ QUANG-ĐỊNH

LÊ Quang-Định tự Tri-Chỉ, hiệu Tấn-Trai, gốc ở huyện Phú-Vinh, thuộc Thừa-Thiên.

Thân-phụ ngài, tên Sách, làm quan lãnh chức Thủ-ngự tại Đà-bồng-nguyên rồi mất tại đó. Mồ côi sớm, lại gặp cảnh nhà nghèo, ngài mới theo anh, tên là Hiến, vào Gia-Định trú ngụ tại huyện Bình Dương. Lần lần lớn khôn ngài siêng năng ham học. Ông ý sanh Huỳnh-đức-Thành thấy tánh ý như vậy thì đem lòng thương ngài, muốn giúp ngài ăn học nên gả con gái cho ngài.

Được ấm no lại có gia thất, ngài quyết chí cần học. Ngài thọ giao với cụ Võ Trường-Toản, kết bạn thân cùng Trịnh Hoài-Đức và Ngô Nhơn-Tịnh rồi lập ra « Bình-Dương thi-xả » rải mùi phong nhã khắp mọi nơi, làm cho nhà văn-học từ phương ai cũng thích đến đó mà-xưởng họa.

Khi đức Cao hoàng khắc phục Gia-Định rồi thì ngài cùng Trịnh Hoài-Đức và Ngô Nhơn-Tịnh được tiến cử ra phò vua giúp nước. Ngài thọ chức Hàn-lâm-viện Chế-cáo, ra coi việc ruộng rẫy, nên phải đi khắp các huyện mà khuyến khích nhơn dân

nông nã việc nông tang. Sau ngài được sung chức Đông-Cung Thị-giảng rồi lại được thăng chức Hữu Tham-tri về bộ Binh.

Lúc ấy đại binh mỗi năm đều xuất chinh. Ngài thường theo quân mà quân đóc lương hướng.

Năm 1800, vua ngự giá thân chinh, thì ngài cùng Nguyễn-văn-Nhơn phò Đông Cung ở lại trấn Gia-Định.

Năm Gia-Long nguyên-niên (1802), ngài mới được triệu ra Kinh rồi lãnh chức Hiệp-trấn tại Thanh Ba. Đến mùa đông, triều đình nghị việc thông sứ qua Thanh triều, vua mới thăng ngài lên chức Binh-bộ Thương-Thor và sung làm Chánh sứ để đi cùng hai Phó-sứ, là Lê Chánh-Lộ và Nguyễn-gia-Kiệt, qua Tàu cầu phong, lại nhơn dịp bày tỏ cho Thanh-triều biết rằng nước ta bây giờ gồm cả đất An-Nam và đất Việt-Thường, cương vực rộng lớn, chứ không phải nhỏ nhen như đời Trần, đời Lê hồi trước nên xin cải hiệu cũ An-Nam mà xưng là Nam-Việt-quốc. Vua nhà Thanh nhậm lời xin cầu phong, song không chịu cho hiệu Nam Việt quốc, cải xưng là Việt Nam, rồi sai Quảng-Tây Án-sát-sứ là Tề bố Sum qua phong Ấy vậy quốc hiệu Việt Nam của ta đặt ra từ triều vua Gia Long.

Năm 1804, việc bang giao xong rồi, Lê Quang Định lãnh coi Binh-bộ lại như cũ.

Năm 1806, ngài phụng sắc coi soạn bộ sách

« Đại - Việt nhất thống địa-dư chí ». Bộ sách này gồm 10 quyển, khảo đũ đồ tịch trong nước, từ Kinh - sư vào nam tới Hà - Tiên ra bắc tới Lạng Sơn, phạm núi non, sông rạch hiểm trở hay là thông hành, đường sá xa hay gần, cương vực giới hạn tới đâu, ngọn nguồn sông suối chỗ nào, với cầu kỳ, thị điểm, phong tục thổ sản, mỗi mỗi đều có biên vào đủ hết. Sách làm rồi dâng lên cho vua xem. Vua lấy làm khen ngợi.

Năm 1809, ngài đổi làm Hộ-Bộ Thượng Thư, và lãnh coi luôn Khâm thiên-giám.

Năm 1810 ngài phụng sắc coi sắp đặt bộ điền, chia ruộng làm 5 hạng để thâu thuế,

Năm 1811, ngài được sung chức Thoại-Thánh Sơn lãng-sư.

Năm 1813, ngài lâm bệnh nặng, Vua lo ngài, liền phái Hoàng-tử Kiến-An-Công đến thăm bệnh và an ủi, lại sai người đem ban sâm quế. Cách mấy ngày sau ngài mất, - thọ 54 tuổi. Vua rất thương tiếc tặng chức *Tham Chánh* và ban sớ, gấm, vải trắng, bạc tiền để tẩn liệm và an táng. Đến ngày táng vua còn cho binh thuyền dàn hầu mà đưa linh cữu.

Năm Tự Đức thứ 5 (1852) ngài được liệt thờ vào Trung hưng công-thần-miếu.

Sử biên cụ Lê-Quang-Định có tài cao, có kiến-

thức rộng, có trí thông minh mẫn cán, lão luyện về phép chánh-trị, tánh cần-thận lại kín đáo, ít ưa thị-dục, có tài làm thi, rành nghề bút hoa, nhưt là giỏi về điệu vẽ thủy-mặc. Có một bức-lan trước vẽ điệu thủy-mặc, lại có đề một bài thi, người Tàn được thấy thì xưng tụng hết sức.

Cụ Trịnh hoài Đức có góp thi của cụ với thi của Lê Quang Định và Ngô Nhơn Tịnh in thành một quyển kêu là « Gia-Định tam gia thi » mà để lại cho đời.

Cụ Lê Hưng-Định có 2 người con : tên Diêu và tên Dần. Diêu làm quan đến chức Cẩn-tín-tý Chủ-sự, còn Dần đến chức Nội-vụ phủ Lang-trung



NGÔ NHƠN-TÌNH

NGÔ Nhơn Tình, tự Nhữ Sơn, môn-sanh của Võ Trường-Toản, cùng với hai cụ Trịnh Hoài-Đức và Lê Quang-Định được xưng là « Gia-Định tam gia »

Tổ tiên ngài là người Quảng-Đông (Trung-quốc) qua ngụ tại Gia-Định.

Ngài có học thức rộng, làm thi hay, được tiến cử ra giúp đức Cao-hoàng một lượt với cụ Trịnh và cụ Lê, và được sung chức Hàn lâm-viện Thị học.

Năm 1798 cụ Nguyễn-văn-Thành và cụ Đặng Trần-Taường bàn nghị xin vua sai người đi sứ qua Tàu để thám dò tin tức vua Lê, lời biểu tâu rằng Ngô Nhơn Tình tiết tháo đoạn chánh học vấn thăm viển, đáng lãnh trách nhậm ấy Qua mùa hạ cụ Ngô được thăng chức Hữu Tham-tri bộ Binh và lãnh quốc thư, ngồi thương thuyền mà qua Quảng-Đông làm tròn sứ mạng rồi mới trở về.

Năm 1800, cụ Ngô theo vua đi đánh Qui-Nhon cùng với cụ Nguyễn Kỳ-Kế chia nhau coi binh lương rồi tạm lãnh cai trị Phú-Yên coi thâu tiền lúa để cung cấp quân nhu.

Năm 1802 (Gia-Long nguyên niên) ngài lãnh chức Phó-sứ đi sứ qua triều nhà Thanh với cụ Trịnh Hoài-Đức làm Chánh-sứ. Chừng trở về ngài lãnh lại chức Tham tri bộ Binh.

Năm 1807, ngài làm Chánh-sứ đi với Phó-sứ Trần công Đán đệ sắc ấn đến thành La Bích phong cho Nặc ông Chơn làm vua nước Chơn Lạp.

Năm 1811, ngài ra làm Hiệp-Trấn - Nghệ-An. Ngài làm quan thanh khiết, nghiêm trị ở lại, bởi vậy nhơn-dân được an ổn làm ăn. Cách chẳng bao lâu ngài dâng sớ xin cho về Kinh dâng trần tấu những nỗi khổ cực của dân. Vua cho. Ngài về triều, tâu rõ tình trạng xứ Nghệ An, xin huân thâu các sổ thuế cũ của dân còn thiếu từ năm Nhâm-thân trở về trước, lại nạp các sắc thuế bây giờ xin cho phép dân nếu thiếu lúa thì được đem tiền nạp thế. Vua phê hết các lời xin.

Ngài ở Kinh hơn một tháng rồi trở về trấn. Lúc rảnh ngài thường hay quan sát tất cả cảnh vật xứ Hoan-châu, rồi lại dạy Đốc-học Bùi-dương-Lịch làm bộ sách « *Nghệ An phong thổ ký* ».

Năm 1812, ngài được thăng Công-bộ Thượng-Thư, rồi ra lãnh chức Hiệp lổng-trấn tại Gia-Định để giúp cụ Lê-văn-Duyệt làm Tổng-Trấn. Năm ấy, mùa thu, ngài với Hộ bộ Tham-Tri Lê-viết-Nghĩa kiểm sát lương tiền và văn án ở các dinh.

Năm 1813, ngài với Tổng-Trấn Lê-văn-Duyệt

hộ tổng vua Chơn-Lạp là Nặc ông-Chơn về nước. Chùng trở về Gia-Định, có người châm chích rằng cụ Ngô thọ của hồi, Cụ Lê-văn-Duyệt tin lời ấy nên tâu lại với vua. Vua cho là việc vô cớ nên bỏ qua. Tuy vậy mà cụ Ngô Nhơn-Tĩnh không an lòng, lại không biết bày tỏ nỗi oan với ai, nên thường than rằng: « Vẻ rắn thêm chim, ai khiến cho ta phải mang tiếng oan không tốt như vậy ? Có lẽ lại tánh ta không khéo thờ kẻ bề trên nên phải mang tiếng phỉ báng mà chết. »

Qua mùa đông năm ấy ngài thọ bệnh mà mất, an táng tại địa-phận làng Chí Hòa (Gia-Định).

Cụ Trịnh Hoài-Đức, vì tình bằng hữu, nên tâu xin truy tặng cho cụ Ngô, nhưng vua không cho.

Năm Minh Mạng nguyên niên (1820), vua Thánh-Tổ mới truy cấp người giữ mộ.

Năm Tự-Đức thứ 5 (852), cụ Ngô Nhơn-Tĩnh lại được thờ vào Trung-bưng Công-thần-miếu.

Sử biên cụ Ngô là người có văn học, cai bác, ưa ngâm vịnh, thường xướng họa với hai cụ Trịnh Hoài-Đức và Lê Quang-Định, để thi trong tập « Gia-định tam gia thi ».

Ngài có con tên Quốc-Thoại.

Sau này, vì cần dùng đất ở Chí-Hòa dựng cất nhà ga mới kêu là ga « Saigon Marchandises », nên các mồ mã trong vòng ấy phải dời chỗ khác. Ngày 1er Octobre 1936 Hội chùa Gia Thạnh có

uiệp với Đông-Pháp học hội làm lễ di táng cụ
Ngô Nhơn-Tĩnh.

Trong chùa minh hương Gia-Thạnh ở Cholon
có thần-vị thờ cụ Ngô Nhơn-Tĩnh cũng như cụ
Trịnh Hoài-Đức



LÊ BÁ-PHẨM

NGÀI gốc ở huyện Bình-dương thuộc Gia-Định.

Ông nội ngài, tên Long, ở Quảng-Bình dòng dõi nho-y, sau dời vào ở Gia-định.

Thân-sanh ngài, tên Bình, làm quan đến chức Hàn-lâm viện Chế-cáo.

Bá-Phẩm thiên tư minh mẫn, bát lăm kinh sử. Theo bài biếu của Phan-Thanh Giãn khắc vào mộ Võ Trường-Toản tại Bảo-Thạnh (Ba-Tu) thì Bá-Phẩm cũng là một môn-sanh của Sùng-Đức Võ phu-tử.

Mới ra ta trợ đức Cao-hoàng, ngài lãnh chức Thị-học trong Quốc-Tử-Giam. Sau ngài được đổi qua Hàn-lâm-viện rồi ra làm Ký lục ở Trấn Định.

Năm Gia-Long nguơn-niên (1802), ngài được đổi làm Cai Bộ Quảng-Nam.

Năm 1804, ngài được thăng Hình-bộ Hữu Tham-Tri và sung chức Chánh-sứ đi sứ qua nhà Thanh với hai vị Phó-sứ là Trần-minh Nghĩa và Nguyễn-dăng-Đệ để tạ ơn và dựng lễ cống.

Năm 1805, ngài trở về. Vì trước ở Quảng Nam ngài có tha tù phạm về tội trộm cướp nên ngài đứng sờ thỉnh tội. Hạ đình nghị xin cách chức ngài. Vua nghĩ ngài có công đi sứ nên giáng xuống chức Hình-bộ Kiểm-sự. Sau ngài được phục lại chức cũ và đổi ra làm Hiệp-Trấn tại Thanh-Ba (Thanh-Hóa).

Năm 1808, ngài được triệu về Kinh, lãnh coi Hình-bộ sự vụ. Lúc ấy có vụ Đặng-trần-Thường và Nguyễn-gia-Kiệt mạo cấp sắc thần, Hạ đình nghị xử Thường phải bị cách còn Kiệt phải chịu tử hình. Bá-Phẩm cãi lại nói Thường với Kiệt đồng tội, nếu bị phạt khác nhau thì là sai luật, phải xử tử cả hai mới hiệp lý. Đưa lên thượng nghị, vua phê lời Bá-Phẩm nói phải và theo ý Bá-Phẩm.

Năm 1813, Bá-Phẩm lãnh Gia-Định Bình-tào.

Năm 1819, ngài quyền lãnh Nghệ-An Hiệp-Trấn, rồi được triệu về Kinh.

Năm Minh-Mạng người niên (1820), ngài được thăng *Hình-Bộ Thượng Thư*. Ngài lấy cơ già và bệnh nên xin từ Vua dụ rằng : « Trẫm mới tức vị, mong nhờ năm ba cựu thần giúp Trẫm làm tay chơn Nay khanh lại cố từ, khanh không nghĩ đến bụng Trẫm hay sao. Trẫm giao bộ vụ cho khanh, thì khanh cứ xem xét đại cương mà thôi còn những án lạc-vặc thì có Tham-Tri với Kiểm-sự chia nhau mà xét, há khanh phải lo việc nhỏ mọn hay sao »,

Vua bắt lời bình từ.

Khi ấy vua Xiêm sai sứ qua chúc mừng đức Thánh-Tổ tức vị, trong quốc-thơ có nhiều câu khoe-khoan tự thị. Quan trấn Gia-Định tâu về triều. Nguyễn-đức Xuyên xin vua sai binh trưng phạt Bá Phầm tâu : « Nếu thiệt họ cố tâm khinh khi ta thì ta phải đánh họ. Ví như họ vô tâm, viết liền chớ không phải khi ta, mà ta đánh họ, thì bại niềm hoà khí ». Vua phán : « Bá-Phầm thiệt là người lo xa xét kỹ. Và ta với Xiêm đều là địch quốc, há họ dám khi ta sao. Trẫm đoán Lê-văn-Duyệt là bực lão thành, chắc sẽ biện việc này được. »

Năm 1821, mùa thu, Bá-Phầm lãnh đề điều trường thi Quảng Đức. Qua tháng 9, vua tuần thú Bắc Thành, Bá-Phầm với Nguyễn-văn-Nhơn sung chức Lưu-Kinh Đại Thần, lại lãnh coi việc Tào-chánh.

Năm 1823, Bá Phầm bệnh mất, thọ 75 tuổi. Vua phong tặng *Hiệp-Biện Đại-học-sĩ*, úy Cận-hậu, bang gấm nhiều, lụa là, tiền bạc và cho đưa linh-cữu về táng tại Gia-Định.

Năm Tự-Đức thứ 11 (1858) Bá-Phầm được liệt thờ vào Hiền-Lương-từ.

Con tên Đăng, sau thi đậu cử-nhơn.



PHẠM NGỌC-UẦN

NGÀI gốc ở huyện Bình-Dương, thuộc Gia-Định, Khi tuổi trẻ ngài ham học, văn từ lợi-lạc.

Theo bài biểu của Phan-Thanh Giảng khắc vào mộ Võ-Trường-Toãn tại Bão-Thanh (Batri) thì Ngọc-Uần cũng là một môn-sanh của Sùng Đức Võ phu-tử,

Khi mới ra tá trợ đức Cao-hoàng, Ngọc Uần thọ chức Thi-học trong viện Hàn Lâm. Đến năm 1794, ngài được thăng Hình bộ Tả-Tham-Tri, rồi có tội bị miễn.

Năm 1797, ngài được phục chức Cai Bộ Vĩnh-Trấn dinh. Ngài làm quan thanh bạch cần kiệm, cai trị có mực thước, bởi vậy sau được thăng chức Lại bộ Tham-Tri. Ngài tiến dần sĩ-phn đứng-dẫn nên ai cũng qui phục

Năm Gia-Long nguyên niên (1802), ngài được thăng *Binh Bộ*, lại coi luôn Hộ bộ và lãnh việc tào vắn, làm việc bằng hời, nên vua thường khen ngợi.

Năm 1805 ngài mất, được tặng chức *Tham Chánh*.

Năm 1810, được thờ vào Trung hưng Công thần miếu, và được cấp mộ phu.

Ngài có hai người con đều thi đậu Cử nhân.

NGUYỄN KHẮC-THIỆU

LỚP ông bà của ngài gốc ở Quý-Huyện, thuộc Thanh-Ba (Thanh-Hóa) sau dời vào ở Gia-Định mà dạy học và làm thuốc.

Vốn con nhà nho y, ngài mồ côi cha sớm nhưng ở với mẹ rất có hiếu. Lúc nhỏ ngài theo học với Võ Trường Toản cần cù đôn hậu, Trường-Toản đem lòng thương ngài, nên nuôi làm con nuôi và chăm nom dạy dỗ.

Đến năm 1788, khi đức Cao-hoàng khắc phục Gia-Định rồi, Trường-Toản tiến cử Khắc-Thiệu để giúp vua dựng nghiệp. Vua bổ Khắc-Thiệu vào Thị-thơ viện rồi đổi vào Nội-thị Thơ-viện.

Cách ít lâu, Khắc-Thiệu phụng mạng ra Kiến-An lên dò thám coi dân-gian cực khổ, quan lại tham bạo thế nào. Và ngài có một người chị hồi trước theo chồng ra ở Qui-Nhơn. Mẹ ngài ra kiểm thăm, đi đã lâu rồi mà chưa về. Nhơn dịp đi ra Kiến-An, ngài ghé Qui-Nhơn hỏi thăm, mới hay chị ngài đã mất rồi, còn mẹ ngài thì đã dời vào ở trong Khánh-Hoà. Ngài ra Kiến-An, ở mấy tuần, thám dò tình hình của giặc đủ biết rồi ngài mới trở về Khánh-Hoà tìm mẹ. Ngài gặp mẹ rồi rước mẹ trở về Gia-Định.

Ngài tâu cho vua nghe các tình trạng của giặc ở miệt ngoài. Vua lấy làm vừa ý, đổi ngài vào Hàn lâm-viện. Sau vua muốn bổ ngài làm chức Tham-luận ở Đông Khẩu đạo, nhưng ngài cô từ không dám lãnh.

Năm 1799, ngài theo phò vua ra đánh Qui-Nhơn. Ngài lãnh chở lương-hương và binh-khí đi trước ra Tân Quan để tiện bề cấp phát cho quân lính. Ngài làm tròn phận sự, chùng về được thăng Công-bộ Tham Tri.

Năm 1800, lúc vua cử đại binh ra giải vây Bình-Định thì Khắc-Thiện ở lại Gia Định coi vận tải lương hương để cấp cho quân sĩ.

Năm 1801, ngài với quan Lưu thú Vĩnh-Trấn là Nguyễn-văn-Thiện phụng mạng qua Xiêm báo thiệp. Chùng trở về ngài lãnh đốc suất chiếc «Bắc phi» và chiếc «Phụng-phi», là hai chiếc tàu sắt lớn, ra Quảng-Nam chở gạo đem về Qui-Nhơn cấp cho quân lính ăn.

Năm Gia Long thứ 5 (1806), ngài lãnh chức Công-bộ Hữu Tham tri.

Năm 1807, ngài được lãnh giám sát trường thi Bắc-Thành lại coi luôn trường thi Hải-Dương nữa.

Năm 1808, ngài hiệp với Hữu Tham-tri Nguyễn-đức-Huyền coi cho binh thợ kiến trúc Văn-miếu và Quốc-học.

Năm 1809, ngài được sung Tham-lý Bắc-Thành

Đề chánh, rồi kể được triệu về Kinh.

Năm 1810, ngài trở ra làm Tham lý Đề chánh và coi luôn Bắc-Thành Thủy sư.

Năm 1811, gặp tang của đức Hiếu Khương Hoàng hậu (mẹ của vua Gia Long) Khắc Thiệu ở Bắc Thành về Kinh. Vua đòi vào chầu và hỏi thăm các việc cai trị ngoài Bắc Thành. Lúc ấy Khắc-Thiệu được tin mẹ có bệnh, mới xin vua cho nghỉ dặng về tỏ quán thăm mẹ. Vua cho. Ngài về nuôi mẹ chẳng bao lâu thì mẹ mất, nên được nghỉ mà cư tang báo hiếu.

Năm Gia-Long thứ 12 (1813) mãn tang rồi, Khắc Thiệu lãnh chức *Hộ Tào* tại Thành Gia-Định, đến năm 1816, mùa đông, ngài mất, thọ 52 tuổi, không có con nối.



TRẦN HƯNG ĐẠT

NGÀI còn một tên nữa là Trọng,

Tổ tiên ngài là Trần-phước-Tư, gốc ở Thanh Ba (Thanh Hóa) theo đức Thái-Tổ Gia-Dủ Hoàng đế (Nguyễn-Hoàng) vào Thuận-Hóa, nhập tịch về huyện Hương-Trà, thuộc Thừa Thiên, ở đó chuyên dạy học và làm thuốc.

Thân sanh ngài, tên Quế, hồi triều vua Túc-Tôn (Phước-Trù) làm Tri-Phủ, theo binh chinh phạt Chơn-Lạp có công, sau được thăng chức, Ký-Lục hai trấn là Trấn-Biên và Hà Tiên.

Trần Hưng-Đạt là người con thứ 7 của cụ Quế. Ngài tánh tình thuần hậu lại có kiến thức. Triều vua Duệ-Tôn ngài làm quan thọ chức Hàn Lâm. Năm 1774, binh Trịnh vào đánh Phú Xuân. Năm 1775 vua Duệ-Tôn di giá vào Nam. Hưng Đạt với em, là Đức, vào Quảng Nam ở ẩn dạy học. Ngài sắp vào Gia Định thì bị giặc bắt, muốn giết, may có nhờ một viên quan Ngụy quen với ngài nên cứu ngài khỏi chết.

Năm 1780, đức Cao hoàng chánh vương vị tại Gia Định, rồi năm sau nạp người con gái của ngài làm Tả cung tần. Ấy là bà Vương phi ngày sau được phong là Thuận Thiên Cao Hoàng hậu.

Cách mười ba năm sau, nghĩa là năm 1793, anh em Hưng Đạt mới vượt biên vào Nam yết kiến và tâu rõ tình hình của giặc cho đức Cao-hoàng nghe. Vua phán : « Người ta nói anh em khanh đều chết hết. Làm sao còn mà vào được đây ? »

Hưng-Dạt tâu hết tình trạng cho vua nghe. Vua vui mừng và sung ngài vào Hàn-lâm-viện rồi đổi qua làm Lễ-bộ Tham-tri.

Năm 1800, ngài phụng chỉ bảo phó Hoàng-Tử.

Gia-Long nguyên niên (1802) ngài được triệu về Kinh.

Thiên hạ bình định, triều đình lo chế tác lễ nghi văn học. Ngài cùng Lễ-bộ Đẳng-đức-Siêu lo sắp đặt những việc ấy, và làm chức Lễ bộ Hữu-Tham Tri. Ngài tâu xin vua chọn người niên cao đức lớn trong đám trọng thần để sung vào Tiềm-đề mà dạy dỗ Thế tử. Vua bèn chọn Lễ-bộ Đẳng-đức-Siêu.

Năm 1805, ngài già yếu nên xin hưu-tri.

Năm 1810, mùa hè, ngài có bệnh rồi mất, thọ 61 tuổi.

Năm Minh-Mạng thứ 2 (1821) vua truy tặng Hưng-Dạt : « Đặc tấn Kim sai Vinh-Lộc Đại-Phu, Trượng trụ quốc, Thiếu-phó, Hà-Ba Quận-công ». Chánh thất của ngài, là bà Lê-thị, được phong Quốc-Pau-nhơn. Còn thân-sanh ngài thì được truy tặng Lại-bộ Thượng-Thor.

Năm 1832, ngài được gia tặng : « Đặc tấn Vinh-

Lộc Đại-Phu, Đông-Các Đại học sĩ, Thái Phó », và ngài được phong tước Ba Quốc công. Bà Lê thị cũng được cải phong Ba quốc Thái Phu nhân.

Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) ngài lại được gia tặng : « *Cần chánh điện đại học sĩ, Thái sư, Thọ Quốc công*. Còn bà Lê thị cải phong Thọ quốc như phẩm phu nhân.

Em của Trần Hưng Đạt, là Đức, trước làm Huấn đạo. Năm 1793 vào Gia Định, được thọ chức Hàn Lâm viện Chế cáo, luôn luôn lo giúp cuộc chinh phục, sau được thăng chức Cai Bộ Phú Yên. Năm 1804 về Kinh, kể có bệnh rồi mất.



PHẠM ĐĂNG-HUNG

PHẠM Đăng-Hung, tự Hiệt-Cử, gốc ở huyện Tân-Hòa, thuộc tỉnh Gia-Định (1).

Cao tổ ngài, tên Đăng Khoa, là người bác học, có văn-danh hồi đời Hậu-Lê. Vì thấy chúa Trịnh chuyên quyền, không chịu phò Trịnh, mới theo đức Thái-Tổ Gia-Dũ Hoàng đế (Nguyễn-Hoàng) vào đất Thuận-Hóa khai cơ kiến nghiệp; ban đầu ở Võ-Xương rồi dời vào Hương-Trà.

Tăng-tổ ngài, tên Đăng Tiên, nhờ văn-học nên được bổ làm Tư-Nghĩa Huấn-đạo rồi dời nhà về ở Bình-Sơn.

Ông nội ngài, tên Đăng-Xương, vào Gia-Định, ở huyện Tân Hoà (nay là Gò Công).

Thân sanh ngài, tên Đăng-Long, là nhà văn-học trứ danh, song cứ ở ẩn mà dạy học-trò. Người có học hồi đời đó đều tặng cụ hiệu : « *Kiến-Hòa liên-sanh* » (1).

(1) Gò Công hồi trước là đạo Kiến-Hòa, thuộc huyện nước Lục sau đổi lại ra huyện Tân Hòa thuộc phủ Hòa Thạnh tỉnh Gia Định.

Phạm Đăng-Hưng lúc nhỏ đã thông minh mẫn đạt, chững lớn lên lại có chí ham học. Gặp lúc trong nước loạn ly, ngài muốn lập công-nghiệp với đời, nên ngài chuyên học tập về quốc-gia thể yếu về lễ nhạc chức chương, về binh thơ chiến pháp, khoa nào ngài học cũng tinh thông.

Đức Cao-hoàng ở Gia-Định lo giấy nghiệp Trưng-hưng, năm 1796 mở khoa thi đặt kéo chọn nhơn tài để tá trợ. Đăng-Hưng ra ứng cử đầu tam-trường nên được bổ vào phủ Lê-sanh, sung Cống-sĩ-viện, rồi đổi qua làm Tham-luận đồng tòng quân chinh phạt.

Ngài theo đại binh ra đánh Phú-Yên, chững trở về gặp lúc Miến-Điện đem binh xâm lược Xiêm-La, vua Xiêm cầu cứu với đức Cao-hoàng. Nguyễn-văn-Trương với Nguyễn-huỳnh-Đức vung lệnh dẫn đại đội qua cứu Xiêm, có Đăng-Hưng theo tá trợ. Tướng Miến-Điện nghe có binh ta thì sợ, nên lui về nước. Đại đội ta ra tới Côn Nôn nghe tin ấy thì thối về Gia-Định.

Năm 1799 Đăng-Hưng được thăng chức Lại-bộ Tham-Tri. Từ ấy ngài thường theo vua chinh phạt, ở dưới trướng làm Tham-mưu, công nghiệp bắt đầu hiển đạt.

Năm Gia-Long thứ 4 (1805) ngài lãnh coi các thuyền lớn. Lúc ấy thiên hạ mới bình định, việc vận tải theo đường biển từ nam ra bắc là việc quan-nệ

lầm. Nhưng ngài hết lòng lo-lắng, nhờ vậy nên quốc dụng sung túc, chẳng hề thiếu hụt.

Vua thường bàn luận đạo trị dân với ngài. Một bữa vua hỏi ngài : « Nghiêu Thiệu không làm mà nước trị, ý nói sao vậy ? » Ngài giải nghĩa câu ấy, rồi dâng một quyển sách luận rõ ràng việc đó cho vua xem.

Năm 1807, ngài phụng chỉ đi xem xét trường hương-thí ngoài Kinh Bắc (bây giờ là Bắc-Ninh).

Năm 1813, ngài được thăng Lễ-bộ Thượng thư.

Năm 1816, ngài dâng sớ xin lập kho trữ lúa kêu là « Xả-thương » để phòng khi mất mùa có sẵn mà chẩn cấp cho dân khỏi đói. Vua khen sáng kiến ấy hay, ngặt khó kiếm những người giữ kho cho ngay thẳng được, bề họ làm quấy thì hại dân, tại vậy nên vua không chịu thi hành. Mùa đông năm ấy Đổng-Hưng lãnh coi luôn Khâm thiên giám.

Năm 1819, đến mùa đông đức Thế-Tổ Cao Hoàng đế có bệnh nhiều, dạy Đổng-Hưng thảo di chiếu rồi giao cho ngài với cụ Lê-văn-Duyệt lãnh cổ mạng.

Năm Minh-Mạng nguyên niên (1820), vua Thánh-Tổ hỏi bộ Lễ về lễ ngày kỵ ở các miếu và lễ nghi về tiểu tượng. Đổng-Hưng làm Thượng-Thư bộ Lễ ngài tâu rõ lễ nghi cho vua nghe. Vua rất hài lòng.

Vua muốn tu ngọc-phổ mới sung Đổng-Hưng với Thống-chế Tôn-thất-Trạch làm giám-tu.

Năm 1821, Đấng-Hưng sung chức Phó Tổng tài trong Quốc-sử quán.

Năm 1822, bộ Lễ mao lạng chức tước cho cha mẹ của quan viên. Việc ấy bề nên vua dạy Hạ-đình-ngự tra xét. Đấng-Hưng phải bị giải chức đấng hầu thăm. Kể ngài phụng chỉ vào Quảng-Nam xem xét việc phát lương hướng cho binh lính. Ngài xét ra có nhiều chỗ gian trá, ngài tâu xin chém kẻ gian mà răn chúng.

Năm 1823, triều đình nghị xong án bộ lễ, lễ phải giáng Đấng-Hưng xuống 4 cấp. Nhưng vua nghĩ ngài có công xét binh lương kỹ lưỡng, công bình, phát gian khử tệ, nên vua cải giáng 2 cấp mà thôi, bổ ngài làm Hàn lâm-viện Chương-viện Học-sĩ. Cách chẳng bao lâu ngài được thăng Lại-bộ Tả-Tham-Tri, mà cũng coi luôn Hàn-lâm viên, cũng sung Phó Tổng Tài trong Quốc sử quán như cũ, lại lấy những chức ấy mà lãnh ấn và bộ Lại và coi tu Ngọc-phổ.

Năm 1824, ngài được phục chức Lễ bộ Thượng Thư.

Năm 1825, vua tuần thú Quảng-Nam, để ngài ở lại giữ Kinh-thành. Ngài là bậc niên lão đại-thần, trung thành, văn nhã bởi vậy đức Minh-Mạng càng lâu càng thân và càng tin dụng. Đến mùa hè năm này Đấng Hưng có bệnh rồi mất, thọ 61 tuổi.

Khi nghe ngài bệnh thì vua liền sai quan Thái-y đến thăm và coi mạch điều trị.

Đã bệnh rồi mà ngài còn răn dạy sở tâu rằng ngài vưng lệnh đức Thế-Tổ Cao-Hoàng-để tu bộ sử « *Thiệt-lục* » để truyền lại cho đời sau, nên phải gia công lượm-lặt cho kỹ lưỡng rồi mới biên được. Vả sự sưu tầm rất khó khăn, nhứt là từ năm Đinh Vị (1787) trở về trước, có nhiều chỗ biên thiếu sót nên cần phải xem xét lại. Nhưng trong khoảng từ Mậu-Thân (1788) tới Tân-Dậu (1801) đã lược biên bốn thảo xong rồi còn để tại bộ Lại. Ngài đã kiểm duyệt được hơn 100 tập, tương những tập ấy có thể đã hoàn bị. Nay ngài có bệnh nhưng không thể quên công việc ấy được, bởi vậy ngài xin vua dạy giao những tập ấy cho Quốc-sử-quản đăng biên chép lại.

Chứng ngài mất rồi thì Quốc-sử-quản có lãnh những bốn thảo ấy về. Mà chứng vua nhắc lại cuộc tu thơ, thì không biết ai giấu mất nên tìm không ra.

Đến năm Tự-Đức thứ 2 (1849) mới kiểm được những di-thảo ấy gồm hơn 130 tập, vua bèn dạy soạn lại cho thành biên.

Ngày Phạm Đăng Hưng mất, vua rất thương tiếc, nên hậu tử gấm lụa bạc tiền, dạy quan lo trị tang và tặng tước Vinh-Lộc Đại-phủ, Trự-quốc, Hềp-biện Đại-học-sĩ,

Vả năm Minh-Mạng thứ 5 (1824) đức bà Thuận

Thiên Cao-hoàng-hậu nghe Phạm Đăng-Hung thú thê Phạm-văn-thị có đức sanh một ái nữ rất hiền đức bèn triệu nhập cung để hầu Đông-Cung nơi Tiềm đệ. Ấy là đức Quý-phi của vua Hiến Tổ (Thiệu Trị) và thân-mẫu của vua Tự Đức (Tự Đức), qua đời Tự Đức được sách phong Từ đủ Hoàng Thái-hậu và sau lại được phong Hiến-Tổ Nghi-thiên-chương Hoàng-hậu.

Năm Tự-Đức thứ 2 (1849), vua gia tặng Phạm Đăng-Hung Đặc tước Vinh-Lộc Đại phu, Thái-bảo. Cần-chánh-diện Đại-học sĩ lại phong tước Đức Quốc Công. Chánh-thất của ngài là bà Phạm-văn-thị thi được phong Nhất phẩm Đức Quốc Phu-nhơn. Vua lập từ tại Kinh sư mà thờ và lập phong 4 đời trước truy tặng :

Cao tổ ngài : Trung-Thuận Đại-phu ;

Tăng tổ ngài : Hàn Lâm viện Thị độc Học sĩ Mỹ-khánh tử ;

Ông nội ngài : Gia Nghi Đại phu, Hàn Lâm-viện Chương-viện Học sĩ, Bình Thành bá ;

Thân phụ ngài : Tự-Thiên Đại-phu, Lại bộ Thượng thư, Phước-An hầu.

Vua lại cho thờ riêng nơi Tích-Thiện tư.

Năm 1852, xét việc thờ phụng công-thần, vua phán Đăng-Hung lúc mới khai sáng thì cực lo nhương vụ, chừng đại định rồi còn phải lo sắp đặt cuộc trị dân, công phu rất dày, thì chung trọn tiết,

bởi vậy vua dạy liệt thờ vào Trung hưng Công-thần miếu như các đại-thần Trịnh-hoài-Đức và Lê-quang Định.

Năm 1858, vua lại cho thờ vào Hiền-Lương-từ. Đấng Hưng có 4 người con :

- 1' Đấng-Tuấn tặng Lê-bộ Lang-trung,
- 2' Đấng-Tả tặng Lê-bộ Viên-ngoại-lang,
- 3' Đấng Thiệu, ẩm tước chức Cai-đội,
- 4' Đấng Thuật, làm quan đến chức Lê bộ Lang-trung, rồi vua chọn gả Công chúa nên cải thọ Phò-mã Đô úy, chường mất được tặng Lê-bộ Thị-Lang,



ĐẶNG ĐỨC-SIÊU

NGÀI gốc ở huyện Bồng-Sơn, thuộc Bình-Định, vốn con nhà nho-y. Thuở nhỏ ngài ra Kinh-đô du học, ở ngụ làng Trác-Dủ thuộc huyện Hương-Trà. Ngài cưới bà Nguyễn-thị và lập gia thất luôn ở đó. Khi được 16 tuổi ngài thi đậu Hương-Tiến, như Cử-nhơn đời sau, rồi ra làm quan trong viện Hàn-Lâm, giữa triều vua Duệ-Tôn.

Đến năm 1774, binh Trịnh chiếm cứ đất Thuận-Hóa. ngài bỏ quan trốn ở trong làng Long-Hồ, dạy học trò mà độ nhật. Ngài thường ngâm những bài phú « *Thương-sơn từ hạo* », « *Trương-Lương chùy* » và « *Tô-Vô tiết* », để bày tỏ trí ý của ngài và ngài thường ví ngài với Quán-Trọng, Nhạc-Nghị hồi xưa.

Quan nhà Trịnh thấy mấy bài phú ấy thì khen ngợi nên cho mời ngài, muốn tiến cử ngài làm quan. Ngài cố từ, không chịu đến.

Khi Nguyễn-văn-Huệ đánh đuổi quan quân nhà Trịnh và chiếm Phú-Xuân, muốn chiêu mộ kẻ hiền tài, nên cho mời Đặng Đức-Siêu nữa. Đức-Siêu vì nghĩa không thể phụng sự giặc được, nên dẫu có binh không ra làm quan.

Chứng đức Cao-hoàng thân phục đất Gia-Định rồi, nghe danh Đức-Siên cũng tính sai người đi kiếm mà mời. Ngặt vì lúc ấy đường sá bị nghẹt, nên không thể đi mời được.

Đến năm 1798, Đức-Siên quá giang thuyền buôn mà vào nam và cậy ông Nguyễn-văn Nhơn tiến dẫn với đức Cao hoàng dựng chước bình giặc Tây-Son.

Đức Cao-hoàng tiếp kiến và phán : « Trẫm ao ước gặp khauh đã lâu rồi. Sao khanh đến trễ quá vậy ? » Đức Cao-hoàng liền phong chức Giám quân Đức-Siên nghĩ vì mình mới ra phò, chưa có công gì, nếu lãnh chức cao, sợ e người ta không phục, bởi vậy ngài cố từ xin lãnh chức Hàn-lâm như trước. Đức Cao hoàng nói chức Hàn-lâm thấp quá, khó gần mà bàn luận quân vụ cho được, nên phong chức Trung-dinh Tham-mưu. đề ngày đêm gần gũi mà vận trù kế sách.

Đức Siên thấy vua bận dài dượng ấy, ngài cho là dịp minh-quân lương-tễ kỳ ngộ, bởi vậy ngài quyết đem hết tài năng để giúp vua dựng nghiệp Trung-hưng.

Năm 1799 ngài phò vua đi đánh giặc. Khắc phục được Qui-Nhơn và đổi tên là Bình Định thành rồi, ngài với cụ Ngô Tùng Châu xin phân binh làm Ngự Lâm quân để giữ 5 đồn mà ngừa giặc. Lúc ấy các quan bàn nghị lập sắc thuế-thân để lấy tiền

dùng về quân-nhu. Đức-Siên dùng mật sớ tấu với vua : « Thần nghe trong binh pháp có câu : bất luận làm việc gì, hễ làm mà công-chúng đều ưa thì tức nhiên phải nên còn làm mà công-chúng đều ghét thì tức nhiên phải hư. Từ xưa bậc Thánh-nhơn làm việc lớn thì luôn luôn lo chịu theo lòng người, nhờ vậy nên người mới giúp mà làm được việc. Vì dầu bọn gian hùng hiểm thiết đi nữa, chúng cũng phải chịu theo chỗ muốn của dân mới rữ ren mà làm loạn được. Kia như anh em Nhạc, Huệ, chúng là người áo vải, không có tấc đất cắm dùi thế mà chúng vơ cánh tay, hô một tiếng, thì nhơn-dân theo cả muôn, không đầy năm sáu năm chúng thân đoạt hết thỏ vớ. Chúng không phải là người tài đức siêu phàm, mà sao lại làm được việc lớn như vậy ? Chẳng qua là chúng thừa lúc dân ta oán ghét kẻ quyền-thần, và dân nhà Lê nhàm chán họ Trịnh đó mà thôi. Vả phép tắc đời loạn không thể giống như phép tắc đời trị được. Vậy phải tùy thời mà sửa đổi, cùng vật mà biến hóa. Hồi xưa, đất Ngụy-Bac nghịch hóa, không cần biết nhà Đường. Vua Hiến-Tôn phải phát tiền kho bốn chục muôn để chuộc đất Ngụy-Bac. Đất U-Yên thất hãm, không biết có nhà Tống. Vua Nghệ-Tổ phải chứa trong kho đến số trăm muôn để chuộc đất U-Yên. Vả vua Hiến-Tôn tiết kiệm, mặc áo vải giặt hai lần ; vua Nghệ-Tổ anh hùng, sửa cây cung cũng

sợ tổn, thế mà dám xuất tiền muôn như vậy, chỉ vì làm việc lớn không kể cái lớn nhỏ, mưu lợi xa, không cầu cái công gần. Đất Qui-Nhơn gặp loạn đã trót 30 năm, như dân lâu rồi không được thấy thái bình vương-hóa, nên trông đợi vương-sư như khát nước, mong nhờ giải cứu đặng thoát khỏi đảo huyền. Nay Bệ-hạ còn đương dụng binh, chưa lập được điều ước ba chương như nhà Hôn, chưa trừ được chánh dữ như hà-pháp của Vương-Mãng, mà Bệ hạ trưng thuế diêm binh thì sợ e nhơn-dân thất vọng rồi sanh lòng oán giận. Đất Qui-Nhơn từ thuộc Thái-Đức cho tới Cảnh Thập, thì đôi ấp lam đôi, nhơn-dân đều phải làm quân lính nên được miễn thuế thân. Nếu nay ép buộc cả thấy đều phải nạp thuế thì số thâu mỗi năm không quá 3 muôn quan, mà lòng dân phải ngẩn-ngơ thất vọng. Giặc ở cách ta chỉ có một dãy núi Thạch-Tân mà thôi. Nếu dân bất bình kéo nhau qua bên kia mà đầu giặc, thì cái được của ta có ít mà cái mất của ta thiệt là nhiều. Thần còn ghi nhớ thuở nước ta mới lập. Chiêu-Võ-hầu Nguyễn-hữu-Dật đánh lấy 7 huyện Nghệ-An rồi đóng binh gìn giữ nên dân-tình an ổn. Sau vì quân như thiếu hụt, phải trưng thâu tiền lúa của dân, bởi vậy dân-tình xao-xiến, rồi nhà Trịnh mới như đó đánh quân ta thua phải rút hết về, không thể qua khỏi Bồ-Chánh một bước nữa được. Việc ấy đáng làm gương để ta soi vậy.

Theo kế hôm nay thì thần mong cầu Bệ-hạ chiêu mộ quân-sĩ, nhưng miễn thuế thân một năm dặng chính phục lòng dân làm cho tứ phương khởi bất vọng ».

Vua xem sở thì khen phải, nên bãi đề-ngự về thuế thân.

Năm 1800, quân Tây Sơn vây thành Bình-Định. Đức-Sieu theo đức Cao-boàng xuất chinh. Khi ra tới Phú-Yên thì quân-sĩ phần nhiều có bệnh ; lại ở cửa Thị-Nại giặc dùng thuyền lớn chặn ngang và đặt thủy-trại phòng bị rất kiên cố, không thể nào vô nổi. Các quan bàn nghị nên cất binh lên bộ dặng giải vây cho Bình-Định.

Đức-Sieu tâu rằng : « Binh thủy mà đem lên bộ thì chiến thuyền phải bỏ trống. Nếu giặc biết, đem thủy quân đánh giết, rồi mình nguy còn gì. Vả quân ta sở trường về thủy-chiến nên dùng năng-lực ấy thì hay hơn. Nay nhằm mùa hè, gió, nồm thổi mạnh. Vậy xin chế tạo các thứ hỏa công, rồi như ban đêm sai tướng giỏi lên vào cửa biển, lừa ở phía trên gió mà phóng hỏa đốt thuyền giặc, làm như vậy chắc thắng được ».

Vua làm theo kế ấy sai các ông Nguyễn-văn Trương, Lê-văn Duyệt, Võ-di-Nguy dụng hỏa công mà phá giặc, thiệt quả được toàn thắng, lập nên Trung-hưng đệ nhất võ công ».

Đức-Sieu lại cùng với Trần-văn-Trạc tâu với vua : « Binh giặc kéo hết vào vây Bình-Định, chắc

bổ trống Phú Xuân là sào huyệt của chúng. Nếu binh ta thừa thế ra đánh lấy sào huyệt ấy đi, thì thành Bình-định khỏi cứu mà cũng gặt vầy được. Vả địa-thế đất Phú-Xuân thần được biết rõ hết. Thần xin Bệ-hạ phân binh làm 2 đạo, một đạo đánh lấy cửa Tư-Hiền, một đạo đánh lấy cửa Non-Hải, làm thế ấy chắc sẽ toàn thắng ».

Lúc ấy ông Nguyễn-văn Thành và nhiều tướng khác cũng xin vua bỏ chỗ kiên thủ mà công chỗ vô bị. Ông Võ-Tánh bị vây trong thành Bình-Định cũng gửi mật thư ra khuyên vua nên thừa hư đánh lấy Phú Xuân. Chứng ấy vua mới quyết ý y kế.

Năm 1801, tháng 5, đức Cao-hoàng khắc phục được đô thành Phú-Xuân.

Quang-Toản chạy ra phía bắc.

Qua mùa đông đức Cao-hoàng thăng Đức-Sieu lên chức Lê Bọ. Ngài cố từ, nhưng vua không chịu.

Năm 1802, đức Cao-hoàng bàn nghị cùng đình thần về sự thu phục Bắc Hà. Có người xin vua nên mượn niên hiệu nhà Lê đặt để phục như cũ.

Đặng Đức-Sieu với Trần văn-Trạc tâu : « Nhà Lê từ vua Chiêu hoàng qua bên Tàu cầu cứu với nhà Thanh thì không thấy trở về, để cho đất Bắc-Hà trọn về tay Tây-Sơn. Huống chi từ ngày Bệ hạ khắc phục cựu kinh đến nay, những thần dân của

nhà Lê chẳng có một người nào ứng nghĩa để dẹp giặc. Nhà Lê không thể hưng lại được, việc ấy đã thấy rõ rồi. Nay ta diệt Tây-Sơn mà lấy đất lại, đất ấy đất của Tây Sơn chứ không phải đất của nhà Lê nữa. Để chường binh định xong rồi chúng ta sẽ xử trí về việc đó. Vả việc điều phạt cần phải có danh và quân ứng thuận cần phải đổi cho ngay thẳng, Nay Bệ hạ cử binh Bắc phạt mà còn dùng niên hiệu nhà Lê thì sợ e người Bắc cho ta giả dối mượn danh phò Lê mà đoạt ngôi. Chi bằng Bệ hạ chạnh vị, cải ngươn, lên ngôi vua, đặt niên hiệu, rồi đi thâu đất Bắc, làm như vậy cho rõ ràng đại nghĩa với thiên-hạ, lấy sự hăng ngay mà khai quốc, không ai dị nghị điều gì được. »

Đức Cao hoàng cho lời tấu ấy là phải, mới lên ngôi đặt niên hiệu năm ấy là Gia-Long ngươn niên, truyền hịch bố cáo sự Bắc phạt cho trong ngoài đều biết.

Năm ấy đại định thiên hạ, vua bố cáo cuộc võ-thành. Tục truyền lúc ấy Đặng Đức-Siêu có đặt 9 bài hát bằng quốc-âm, gọi là « *Hồi loan cửu khúc ca* », đến sau lâu ma miền Thanh-Hóa, Nghệ-An những ca-công vẫn còn truyền tụng, Rất tiếc không tìm được những bài ấy mà chép lại đây, chỉ biết được có bài văn-tế đã đem vào quyển Võ-Tánh tiểu sử. (Đ. V. T. C. ngày 1er Avril 1944.)

Khi ấy những đại điển lễ ở triều đình, cùng thể.

thức nghi tiết tể Giao, tể Miếu, tể Xả Tắc, phần nhiều đều do Đức-Siên, suy cứu lễ xưa mà chế lại mới hết. Đức Cao Hoàng trọng dụng ngài lắm.

Năm 1803, tấn ngươn phi Tống-thị lên ngôi Vương-hậu, Đức-siên phụng sung Bồng sách-sứ.

Năm 1805, ngài lại lãnh luôn chức Hoàng-tử Phụ-đạo. Vua Minh-Mạng được dưỡng chánh thánh công phần nhiều là nhờ sức ngài tấn ích.

Năm 1807, ngài lãnh coi luôn Khâm-Thiên-giám và sưu tập soạn ra bộ « *Thiên nam thể hệ* », khởi chép từ đời Triệu Tổ đến đời Duệ-Tôn, lại truy nguyên trước kể Hoảng Quốc công và Trưng-quốc công để bày tỏ gốc tích đức Triệu-Tổ, sau kể đức Hiếu-Khương để bày tỏ gốc tích đức Thế-Tổ Cao hoàng-đế, trước sau gồm cả thấy hơn 200 năm ; phạm thế-thứ công nghiệp cho đến ngày sau ngày kỵ cùng là lăng tẩm phương hướng đều có ghi chép đủ hết.

Năm 1809, vua đặt ra Lục bộ Thượng-Thơ thì sung Đức-Siên làm *Lễ bộ Thượng Thơ*.

Năm 1810, (Gia-Long cửu niên), Đức-Siên mất, thọ 60 tuổi, được tặng chức *Tham-chánh*. Vua ban gấm lụa để liệm tang và cấp mộ phu.

Sử phê : Đấng Đức Siên là người học-vấn rộng rãi, văn-chương tao nhã, lại có đủ đức hạnh tiết tháo. Thiệt là một nhơn-vật quý trọng của triều Nguyễn. Gặp hồi biến loạn thì ẩn danh giấu tiếng

trót 30 năm để cho vẹn toàn tiết nghĩa. Chừng ra giúp đức Cao-hoàng dựng nghiệp Trung-bưng thì tận tâm chấp chưởng lễ nghi, làm cho trong ngoài đều doan chánh.

Đức-Siêu hồi trước tên *Chiêu*. Chừng thấy đế-hệ dùng theo bộ *Nhật* mới cải lại thành *Siêu*.

Năm Minh-Mạng thứ 6 (1825) vua Thánh-Tổ nghỉ đến công lao sư phó, mới truy tặng Đặng Đức-Siêu *Thiếu-sư Hiệp-Biện Đại-Học sĩ*.

Năm Tự-Đức thứ 5 (1852) được liệt thờ vào Trung-hưng Công-thần miếu.

Vợ ngài là bà Nguyễn-Thị-Ngũ có truyện riêng trong quyển liệt nữ truyện.

Con trai ngài, tên Chiêm, cũng làm quan biển đất.

Anh ngài, tên Huy, học giỏi về thi quốc-âm; triều Gia-Long làm Đốc-học tỉnh Bình-Định, đến già hưu trí.



TRẦN VĂN-TRẠC

NGÀI gốc ở huyện Duy-Xuyên, thuộc Quảng-Nam, sau dời vào Bình-Định ở tại Bồng-Sơn.

Ngài vốn là con của quan Binh Bộ Trần-văn-Tuấn hồi triều trước.

Ngài ra phó Đông-Cung Dương ở Quảng-Nam, kể bị Tây-Sơn bắt nên phải theo nguy làm quan đến chức Thị-Lang.

Năm 1799 mùa xuân, đức Cao Hoàng thân chinh Qui Nhơn, đóng binh ở Thi Nại. Cụ Trạc đến banh tại bãi yết và dựng phương lược trừ giặc. Vua khen nên thân dụng.

Năm 1800. Trần-văn-Trạc được thăng Hình-Bộ Tham-Tri và được theo vua đánh giặc. Lúc ấy binh Tây Sơn đương vây chặt Qui Nhơn. Cũng đồng ý với Đặng-đức Siêu, ngài khuyên vua nên tấn binh ra lấy Phú Xuân, phá ổ hang của giặc.

Năm 1801, ngài hiệp với Nguyễn-văn-Trương và Tổng phước Lương suất binh thuyền ra trước Quảng Nam để lo thâu thập lương hươg và chận đường viện binh của Trần-quang-Diệu. Khi đức Cao-Hoàng ngự giá đến ngoài cửa Đại-Chiêm thì ngài

ra nghinh tiếp. Vua phán Quảng-Nam là chỗ binh giặc vô ra. Nếu có người giữ ở đây ngăn cản đường viện binh của Trần-quang-Diêu cho Trầm thì trong ít ngày Trần sẽ lấy Phú-Xuân.

Trần-văn-Trạc tâu xin giao cho Tổng-viết-Phước một chi binh đồn tại Trà Lý để chặn yếu lộ, dạy Nguyễn-văn-Trương suất một chi binh do cửa biển Cu-Đê tuần sông mé bắc ngăn để chặn đường Vân-quan hạ đạo, sai Tổng-phước-Lương với Tham quân Lê-Ngươn theo sông ấy lên Lỗ Đông để chặn đường Vân-quan trung đạo. Phòng thủ như vậy, giặc không thể qua được, tức nhiên phải do ngã Lao-Giáo thượng đạo mà đi. Vả đường ấy không có nhà cửa, núi cao rừng rậm, khó đi lắm, dầu có viện binh thì một tháng cũng không đi tới được.

Vua cho lời ấy là phải, mới dạy Trần-văn-Trạc với Tổng-viết-Phước ở lại giữ Quảng-Nam, cho vua tấn binh khắc phục Phú-Xuân. Thiệt quả hơn một tháng sau, ngụy Tư-Khẩu định dẫn binh do đường núi xuống khe Tả-Trạch bị Lê-văn-Duyệt chặn đánh tan hết.

Mùa đông năm ấy vua triệu Trần-văn-Trạc ra Kinh và thăng chức Lại-Bộ.

Năm 1802, vua nghị việc thâu phục Bắc-bà. Trần-văn-Trạc với Tham-Tri Nguyễn-kỳ-Kế vâng lệnh kiểm điểm số lương hương và khí giới. Lúc ấy Trần-văn-Trạc đồng ý với Đặng-đức-Siêu mà xin

được Cao hoàng lên ngôi vua, cải niên hiệu, rồi sẽ cử đại binh thâu Bắc-Hà, y như đã có nói trong tiền-sử cụ Đặng-đức-Siêu.

Năm Gia-Long thứ 8 (1809), Trần-văn-Trạc thọ chức *Lại-Bộ Thượng-Thor*. Qua năm 1813 ngài có bệnh rồi mất, thọ 67 tuổi.

Vua tặng chức *Tham Chánh* và cấp mộ phu. Con của Trần-văn-Trạc, tên Thục, năm Minh Mạng nguyên niên (1820) ăm bổ Hàn Lâm Thị-thor.

Trạc có 2 người em tên Hòa và Hiên. Hòa với Tống Phước-Đạm theo Đông Cung Duong vào Gia-Định. Hoà làm quan đến chức Nội diện Tham-mưu, lãnh mật chỉ về Quảng Ngãi hiệp với Đô thống-sứ Đặng-văn-Phong và Chiêu thảo-sứ Nguyễn văn Đồng chiêu tập nghĩa đồng đảng chống với giặc. Khi nghĩa binh đến Bồ Đề, giặc thám biết nên chặn đánh tan. Hòa tử chiến.

Còn Hiên vào Gia-Định cũng phụng mật chiếu thám thính và cũng bị giặc bắt giết.



NGUYỄN TỬ-CHÂU

NGÀI gốc ở huyện Bình-Sơn, thuộc Quảng-Ngải, trước đầu Tây-Sơn làm chức Thái Thường, đến năm 1790 mới về phò đức Cao-hoàng thọ chức Trung-dinh Tham-mưu.

Ban đầu ngài hiệp cùng Giám-quân Tống phước-Đạm nghị lập thể lệ về quân lĩnh, sau ngài ra lãnh chức Cai-Bộ Phan Trăn. Ngài làm quan gìn giữ một niềm thanh bạch, bởi vậy bá tánh thấy đều an vui.

Năm 1793, ngài phò giá đi chinh phạt Qui-Nhơn, lãnh xem xét các quân thủy bộ không cho cướp giết của dân.

Năm 1795, giải vây Diên-Khánh rồi, ngài phụng chiếu ở lại Bình-Thuận mà dò hỏi các việc quan lại và quân lính thủ các đạo coi có đều chỉ tình tề thì mật tấu với vua. Năm ấy ngài được thăng Hình-Bộ.

Năm 1801, ngài hiệp với Nguyễn-văn-Nhơn lưu trấn Gia-Định.

Vả đức Cao-hoàng chinh phạt liên niên hao tổn binh lương vô số. May nhờ có Tử-Châu với

Nguyễn-văn-Nhơn trong lo giữ vững căn bản, ngoài lo cung cấp quân nhu, trong an ngoài đủ, nên cuộc Tru-g-hưng mới tấn phát.

Năm Gia Long thứ 3 (1804), Tũ Châu được triệu ra Kinh và cũng tiếp coi Hình-bộ sự-vụ, lo nghị định luật lệnh.

Năm 1809, ngài được cải thụ *Hình - Bộ Thượng-thư*.

Qua năm 1811, ngài có bệnh rồi mất, được tặng chức *Tham-Chánh*.

Sử phê : Tũ-Châu tánh giản-dị chất-phác, làm quan thanh khiết cần-kiệm, cử thi hành pháp luật không tuân vị ai hết, lấy sự công bình mà xử kiện, vì vậy nên người người đều ngợi khen.

Con của ngài, tên Cừ. tập-ấm được bổ Hàn-Lâm, làm quan đến chức *Thự-Bình-Định-Bổ-Chánh*.



ĐẶNG TRẦN-THƯỜNG

NGÀI gốc ở huyện Chương-Đức, thuộc Sơn-Nam (Bắc kỳ).

Ngài vốn miêu-duệ của Đặng Đình Huấn làm quan triều Lê rất vinh hiển.

Ngài có học rộng tài cao, nhưng gặp hồi cuối nhà Lê Tây-sơn diệt Lê-hoàng, chiếm hết đất nước, bọn tôi nhà Lê phần nhiều ra hàng đầu vua Quang-Trung mà lãnh chức tước.

Ngô-Nhậm, người ở Thanh-Oai, lúc ấy đầu Tây-Sơn lãnh chức Binh-bộ Thượng-Thor Trần-Thường có tình giao hảo với Nhậm nên một bữa đến thăm Nhậm. Trong lúc luận đàm thế sự, Nhậm nói : « Cái hay cái quý của người quân-tử biết thông biến. Phải tùy thời mà thay đổi thì mới lập nên công-nghiệp lớn lao được. Đưa thất-phu cứ bo-bo tự lượng thì có ích gì đâu. » Nhậm lấy những lời như vậy mà dụ Thường, lại còn dùng oai rúng ép. Thường đứng dậy giũ tay áo mà đi và về đến nhà nói với gia-nhơn rằng : « Ta phải giết chết thằng khốn này », Chừng ấy Thường mới có chí viên cử.

Năm 1793 nhơn dịp Nguyễn đình-Đất ở Gia-Định ra Bắc chiêu dụ hao kiệt. Thường với Nguyễn-bá-Xuyên theo Đất vượt biên vào nam. Đi đến Diên-Khánh, Thường ghé yết kiến Đông Cung, chấp tay đứng nói : « Chưa được yết kiến quân vương, nên tôi không dám lạy ». Đông-Cung mỉm cười và cho tiền phí lộ dâng Thường vào Gia-Định.

Năm 1794, thường vào tới cửa Cần Giuộc, sai người đi trước đem tờ biểu xin phép bái yết đức Cao-hoàng Vua xem biểu lấy làm kỳ, nên dạy đòi vào. Thường ứng đối được xứng ý vua nên vua ban 300 quan tiền với 100 vuông gạo, song chưa thọ chức chi hết.

Kể binh Tây-Sơn phạm Diên-Khánh. Vua ngự giá cứu viện. Thường theo đại binh để giúp trừ hoạch kế sách chừng về mới được phong Lại-Bộ Hữu Tham-tri. Qua mùa đông năm ấy giặc vào đánh Diên-Khánh nữa. Trần Thường theo Nguyễn-văn-Tuân đem binh cứu viện.

Năm 1794, ngài làm Khâm-sai táng lý quân-vụ theo Tiền-quân Tôn thất Hội giúp trừ hoạch cơ lược.

Năm 1796, ngài làm Diên-Khánh Hiệp-Trấn, theo Đại-tướng Nguyễn huỳnh-Đức và Phò-tướng Võ văn-Lương. Trong lúc cư thủ, ngài thấy ý hai tướng không thuận nhau, ngài chăm lo khuyên giải nên hai tướng mới hòa hiệp mà gìn-giữ thành trì. Kế ngài được lệnh coi cả tướng-sĩ Tiên-phuông-dinh.

Năm 1798 ngài theo Nguyễn-văn-Thành lưu trấn Diên-Khánh. Chứng cụ Thành được chiếu triệu về Gia-Định thì Trần-Thường qua giúp cụ Lê-văn-Duyệt tạm lãnh trấn Diên Khánh.

Năm 1799, đại giá thân chinh Qui-Nhơn, Trần-Thường theo cụ Thành phá giặc tại đồn Hội-An. Giặc vào núi chiếm yếu lộ. Trần-Thường suất binh vào đánh, đuổi giặc chạy, bắt được 13 thớt tượng. Rước giặc đến cầu Tân-An, giặc gom binh trở lại chống cự. Trần-Thường nghênh chiến, đánh thối binh giặc, rồi theo đại binh đánh thành Qui-Nhơn. Chứng vua ban sư thì ngài với Tiên-phuông Nguyễn-văn-Tánh ở lại giữ Diên Khánh.

Năm 1800, giặc vây thành Bình-Định. Vua suất đại binh cứu viện đến cửa Cù-Mông, triệu chư tướng hội nghị. Các quan đều xin, bỏ Bình-Định để ra đánh Phú-Xuân. Trần-Thường tâu : « Nay thủy quân ta thừa gió xuôi đánh, chắc giặc không dám cự, chúng sẽ lui vào Thị-Nại mà giữ. Như ta đi thẳng ra đánh Phú-Xuân, chắc thủy quân giặc sẽ chặn đường phía sau ta. Ta tới thì gặp kiên-thành, lui thì gặp cường địch, thế coi nguy hiểm lắm ».

Vua cho lời tâu ấy là phải, bèn dạy Trần-Thường với Nguyễn-văn-Tánh dẫn bộ binh ra Phú-Yên hiệp với binh Nguyễn đức-Xuyên tùy Nguyễn-văn-Thành tiết chế. Trần-Thường dẫn binh ra đến Nghệ-Giã. Giặc ra khiêu chiến. Ngài án binh bất

động dề coi thể giặc. Chừng ngài thấy bên vòng binh nghịch cờ xí lộn xộn, bộ ngũ không tề chỉnh, kẻ đứng người ngồi, ngài mới truyền lệnh xông đánh, bắn chết Đô-Đốc Tịnh, giặc thua chạy. Ngài tới Tuần-giã gặp giặc ngăn cản. Ngài được lệnh quản suất Tiên-phương dinh, dời binh đóng ở Hoa-Giã. Ngài ở đó cư thủ mấy tháng. Như dịp Phạm-ngọc-Uân đến xem xét phủ ủy tướng-sĩ, ngài mới gởi sớ mà tâu : « Bộ binh của ta coi thể đã mệt, còn bên giặc thì vẫn hăng hái ý muốn bộ chiến. Cái kế trì hoãn đợi giặc mệt rồi sẽ đánh coi thể khó thi hành được. Vả giặc phòng bị phía trước đông đặc chắc phía sau phải thừa trống. Vậy cúi xin Bệ-ạ định mưu phá gấp thủy quân của giặc. Làm như vậy mới chắc thắng »

Vua y kế. Chừng thủy-quân của giặc ở Thi-Nại đã phá được rồi, Trần-Thường bèn bỏ Hoa-Giã lui về giữ Phú-Trung. Nguyễn-văn-Thành sai Trần-Thường đốc suất binh mã 13 đồn phía trước chống cự với giặc.

Thành Bình-Định càng thêm vây chặt, viện binh không thể giải được. Trần-Thường mới nghĩ tới binh pháp phải bỏ chỗ chắc mà đánh chỗ óp, nên sai người thưa với cụ Lê-văn-Duyệt rằng bây giờ phải bỏ Bình-Định mà lấy Phú-Xuân, phải dùng phép « tượng kỳ khí xa » (đánh cờ túi xe), chờ không còn kế nào hay hơn nữa.

Cụ Lê cho kể ấy là phải.

Năm 1801 khắc phục Phú Xuân rồi, vua nghe Quang-Toản ở Bắc đàng mướn đem binh trở vào đánh Vua nhờ Trần Thường là người Bắc, bèn triệu ra Kinh, ban thưởng một ngàn quan tiền và dạy đem bốn bộ binh ra Đông-Hải hiệp với Nguyễn-văn-Trương tham biện nhung vụ, rồi sai lại sai ra Thanh-Hà án thủ. Vua dụ rằng : « Chấn Bổ Chánh ở phía bắc giáp với giặc. Nay khanh ra đó nếu có việc chi thì phải hiệp với Nguyễn-văn-Trương mà liệu định. Khanh phải gắng lấy ».

Trần Thường đến nơi kiểm điểm bại binh của Nguyễn-kế-Nhuận lại rồi chọn mà lập ra 2 vệ kêu là Thăng Oai và Nghị Oai. Những người vào vui lòng xin tòng quân thì ngài cho vào vệ Tráng Oai Còn người ở xa đến với những tướng sĩ xin đầu hàng thì ngài lập riêng một vệ kêu là « Nghĩa đồng đoàn ».

Chừng giặc tới đánh thì Trần-Thường lui binh về giữ Đông-Hải, giặc đánh không nổi phải bỏ chạy. Trần Thường suất binh do ngã thượng đạo đến suối Khương-Hòa, chặn đánh tan giặc, thân được ngựa voi khi-giới rất nhiều, rồi hiệp với Tổng phước-Lương đóng giữ Thanh-Hà

Năm Gia-Long nguyên niên (1802) vua ngự giá thân phục Bắc Hà, Trần Thường do Hương-sơn và La sơn kéo ra làm kỳ binh chiếm lấy đất Nghệ-An rồi quyền lãnh trấn thủ ở đó. Vua khắc phục Quảng-

Long rồi đòi ngài ra. Chừng vua hồi loạn thì thăng ngài lên chức Bình-Bộ và lưu lại Bắc-Thành. Sau ngài phụng chỉ ra Sơn-Nam soạn binh.

Năm 1803, bọn Thượng Thư Ngô-Nhậm, Phan-huy-ích, Nguyễn-gia-P an, trước làm quan với Tây-Sơn, nay ra xin đầu thú, nên bị giải hết về Kinh. Trần-Thường lấy làm hài lòng mà được dịp phục thù báo oán. Ngài bèn dựng sớ tâu rằng bọn Nhậm là tòi nhà Lê lại cam tâm phụng sự kẻ giặc, rồi còn dùng lời quỷ quyết mà khuyến dụ người làm việc bất nghĩa. Người có danh giáo mà làm như vậy thì tội ác lớn lắm, không thể dung được. Nếu không tru lục bọn này thì lấy chi mà răn người sau. Vua dạy trả bọn ấy lại Bắc Thành cho thành thần nghị tội. Cụ Nguyễn-văn-Thành làm Tổng-Trấn nghĩ vì bọn Nhậm đáng tru, nhưng đã có lệnh truyền hễ quan ngục ra đầu thú khỏi tội, lệnh rất rành rẽ, không nên cãi lệnh mà thất tín với dân. Vậy nên đem ra trước văn-miếu đánh đòn rồi tha thì phải hơn. Vua phê lời tấu của cụ Thành. Bị xử đánh đòn thì 3 người, nhưng có một mình Ngô-Nhậm bị đánh chết. Ấy là vì Đặng Trần-Thường cố oán nên khiến quân đánh Nhậm chết cho bỏ ghét.

Năm ấy, mùa thu, có bọn tâu Ô cướp phá vùng Quảng Yên. Trần-Thường cùng chư tướng suất binh đánh dẹp.

Năm 1806, Trần Thường về Kinh chầu vua. Vua

lấy việc canh cải Bắc-Thành mà hỏi ngài. Ngài tâu :
« Thường-dân họ an với thói quen mà không biết
tùy nghi ; còn học giả thì họ ý chỗ kiến văn nên
không biết thông biến. Vì vậy nên đối với dân, hực
thánh-nhơn không cùng họ mà lo trước việc phải
làm, chỉ liệu mà làm cho họ được hưởng thì thôi ;
việc làm thì khiến họ phải do theo, chớ không cần
khiến họ phải biết làm chi. Cải cách phong tục cần
phải chậm chậm, ấy là điều cần yếu trong cuộc
chánh trị ».

Vua cho lời ấy là phải, nên hạ chiếu dạy cải
tu hộ-lich xứ Bắc-Thành mà thôi.

Năm 1808, Trần Thường làm Tổng-lý đề chánh
cả Bắc Thành.

Năm 1809, ngài được triệu về Kinh, thọ chức
Binh Bộ Thượng Thư, rồi trở ra Bắc Thành coi
Binh tào.

Năm 1810, ngài trở về Kinh lãnh chức Thượng
thư bộ binh. Vả ngài với Lê Chắt có niềm khích.
Lúc ấy Lê Chắt được phong Quận Công. Trần Thường
nói với người ta : « Chắt mà làm Quận Công thì
bọn ta phải làm Thập Quận-công mới vừa »

Ông Chắt nghe lời phách ấy thì giận lắm. Chừng
ông Chắt ra trấn Bắc Thành, ông nghe lúc trước
tại thành tu khai thần sắc thì Trần-Thường a ý với
Lê-bộ Tham-Tri Nguyễn gia-Kiệt mà làm ghen, như
Hoàng ngũ-Phước là tướng nhà Trịnh đem binh

xâm chiếm Thuận Hoá mà lại được liệt thờ, và khai gia cho thân-nhơn được vào bực phước thần cho thôn xã quý tế. Ông Coắt tâu việc gian ấy về triều. Trần Thường phải đứng sở chịu tội. Vua phán : « Bọn này dám khi nhờn mạng thần, thì còn việc gì mà không dám ». Vua dạy bộ Hình nghị tội. Trần-Thường với Gia-Kiết đều bị tạm giam rồi lại được thả ra, song phải ở tại Kinh chờ lệnh.

Ông Lê-Chất lại gởi sớ tâu thêm rằng Trần-Thường lúc ở Bắc-Thành làm nhiều việc sai phép, chiếm lấy đầm ao và ấn lậu thuế đinh, thuế điền, nên xin trừng trị. Trần-Thường bị giam vào ngục, lại cứ uống rượu và nói lớn lối. Ngai dùng điệu quốc âm mà làm bài « Vương-Tôn phú », vì mình với Hàng-Tín, câu văn biểu lộ ý oán vọng. Khi hội đình-thẩm thì các quan đều xử phải tru. Năm 1816, Trần Thường bị tội giảo, nhà cửa bị tịch hết.

Còn Nguyễn-gia Kiết, gốc ở Văn Giang, thuộc Bắc Ninh, năm 1797, triều Lê Chiêu-Thống thi đậu Tấu-sĩ. Chứng nhà Lê mất ngôi, ngài phò Tây-Son, làm Đốc-học tại Quý Nhơn Đến năm 1799 mới qui hàng đức Cao hoàng. Chứng Nam Bắc đại định, ngài thọ chức Cần Chánh điện Học-sĩ và lãnh việc từ chương ở Bắc-Thành Sau ngài được sung làm Phó-sứ đi sứ qua Tàu. Chứng trở về được thăng Lễ Bộ Tả Tham Tri. Vì việc trá mạo thần sắc ngài phải lưu ở tại Kinh rồi mất.

NGUYỄN ĐÌNH-ĐỨC

ÔNG bà ngài lớp trước gốc ở huyện Quảng-
Điền thuộc Thừa Thiên, sau dời vào ở Gia Định.
Thân sanh ngài tên Quang, làm quan đến chức
Tham-mưu.

Đình-Đức có văn học, thi đậu được bổ vào Phủ
Lê-Sanh, rồi sung vào Cống-sĩ-viện, sau lại đổi làm
Tham-Luận về Thần-sách-quân Hùng-vô vệ. Ngài
thường theo quân chinh phạt, có công nhiều nên
đổi làm Chánh-dinh Cai Bộ rồi ra làm Ký-Lục ở
Trấn Biên. Chứng khắc phục Phú Xuân rồi ngài được
triệu về Kinh và đổi làm Cai-Bộ Quảng-Đức.

Đại binh thấu phục Bắc-Thành rồi, ngài được
triệu đến Hành tại và thọ chức Hộ-bộ Tả-Tham-tri
lãnh coi Bắc-Thành Hộ Tào với Hộ bộ Nguyễn-văn-
Khiêm. Vả Bắc-Hà mới thấu phục, mọi việc đều
phải sắp đặt bởi vậy Hộ-Tào phải hai người chia
nhau làm mới kham.

Năm 1813, Đình Đức được thăng Hộ-Bộ Thượng-
Thư hưng cũng lãnh coi Hộ Tào Bắc-Thành.

Năm 1814 gặp tang Hoàng hậu Tông thị ngài
về Kinh tấn hương, lâu lễ nhich lãng rồi trở ra
Bắc Hà.

Năm 1816, vua muốn triệu ngài về nhưng khó kiếm được người thay thế. Chừng chọn được Nguyễn hữu Thận đủ tài ra thế thì Đình Đức mới về Kinh. Mùa hè, sách lập Hoàng Thái tử thì ngài sung làm Tuyên sách quan.

Năm Gia-Long thứ 18 (1819) mùa xuân, ngài lâm bệnh mà mất, thọ 65 tuổi, được tặng chức *Tham chánh* úy Đoan biển. Vua lại ban gấm nhiều tiền bạc.

Năm Tự-Đức thứ 5 (1852), ngài được thờ vào Trung-hưng Công-thần miếu.

Trưởng tử của ngài, tên Đình-Bửu, triều Minh Mạng dậu Hương tiến làm quan đến chức Định-An Tổng-Đốc.

Con thứ của ngài, tên Đình-Tường, dậu Tú-tài, bổ ấm sanh và làm Tri-huyện Bình-Long.



NGUYỄN ĐĂNG-HỰU

NGÀI gốc ở huyện Hoà Đa thuộc Bình Thuận, lúc nhỏ theo thầy học văn, chừng lớn lên gặp hồi binh loạn, ngài bỏ văn theo võ, làm quan đến chức Cai-Cơ.

Đức Cao hoàng thấy ngài có văn học mới cải thụ chức Hàn Lâm viện Chề cáo, và đổi làm Ký lục Vĩnh Trấn. Kế ngài có tội bị miễn, sau phục chức Ký lục Phan Yên.

Năm 1801, khắc phước Phú Xuân rồi, ngài ra Kinh lãnh chức Hình bộ Tả Tham Tri.

Năm Gia Long nguyên niên (1802) đại binh đi thân Bắc Hà thì Đặng Hựu làm Đốc tào xứ Thành Hà, thuộc Quảng Bình, chuyên lo cung cấp quân nhu, sau trở về cùng với Thống chế Nguyễn văn Khiêm ở giữ đô thành.

Năm 1804, có việc tiếp sứ, ngài cùng với Thống chế Phan tấn Huýnh lãnh ở công quán tiếp sứ.

Năm 1813, ngài được thăng *Binh-bộ Thượng-Thư* rồi vì già nên xin về hưu. Vua cấp cho phần nửa bổng.

Năm Minh-Mạng nguyên niên (1820), nhơn đại

tang đức Cao hoàng. Đấng-Hựu ở Bình-Thuận ra Kinh châu vua. Vua phủ hũy và ban tiền bạc.

Năm 1827. nhưn lễ khánh tiết lục tuần Thuận-Thiên Cao Hoàng-tậu, ngài ra Kinh chúc mừng. Vua cho vào châu, cho phép ngồi và dụ rằng : « Khanh phò tá tiên triều, làm quan đủ cấp, chẳng hề có lỗi, đến lúc già yếu mời về hưu. Nay gặp khánh tiết lại rần đến chúc mừng cũ chỉ như vậy đáng khen lắm. » Vua ban ngự thi, ban y phục bạc tiền, lại gia hàm *Hiệp-Biện Đại học-sĩ*. Đấng-Hựu muốn ở nan tại Kinh đặng đến ngày nguơn-dân biệp cùng bá quan làm lễ triều hạ. Vua phán ngài già yếu không nên ở lâu nơi quán xá, nên cấp 200 quan tiền và phái binh đưa về.

Năm 1829. ngài trở ra Kinh nữa. Vua cấp cho nữa phần bổng.

Năm 1832, mùa thu, ngài bịnh mà mất, thọ 81 tuổi. Vua phong tặng *Binh-bộ Thượng-Thơ*, lại gia hàm *Hiệp-Biện Đại-học-sĩ*, ban gấm nhiều tiền bạc với một đàn tế và dạy đưa linh-cữu về táng ở Bình-Thuận.



NGUYỄN TƯỜNG-VÂN

NGÀI gốc ở huyện Diên-Phước thuộc Quảng-Nam, mới vào ngụ Gia Định.

Năm 1796 ngài thi đậu hai trường được bổ vào phủ Lễ sanh.

Năm 1797, theo vua đánh Quảng-Nam, đổi qua Nội thị thơ viện phụng chỉ.

Năm 1799, theo vua đánh Qui Nhơn đổi làm Tham-Luận Túc trực-vệ rồi làm Cai-bộ Chánh dinh.

Năm 1801, phò giá khắc phục Phú-Xuân rồi theo sứ bộ Trịnh Hoài-Đức qua Quảng Đông Chứng về ngài lãnh lại chức cũ, rồi đổi ra làm Cai-Bộ Quảng-Nam.

Năm 1809, về tội thả tù cướp nên bị giáng Hộ bộ Kiểm-sự. Sau được làm Ký Lục Bình-Thuận rồi đổi làm Nghệ An Hiệp-Trấn. Một ít lâu được thăng Hộ-bộ Hữu Tham Tri, nhưng cũng làm Hiệp-Trấn Nghệ An.

Năm 1819, được sung coi trường thi Sơn-Nam-Hạ, rồi lãnh chức Bắc Thành Hộ-Táo

Năm Minh-Mạng nguyên niên (1820) ngài được chiếu triệu về Kinh. Nhưng Tổng-Trấn Lê-Chất tâu

xin để ngài ở lại đặng hiệp với Phó Tổng-Trấn Lê văn Phong quã, suất thành vụ. Kế ở Sơn Nam-Thượng và Kinh-Bắc dân đói, Vân với Phong trước phát lúa chẩn bần rồi sau mới tâu về triều nên bị trách về tội tự chuyên.

Sau Tường Vân được triệu về Kinh, thăng Thứ-Binh Bộ-Thượng-Thor rồi ra Bắc-Thành coi duyệt binh. Vì lúc ấy có binh dịch, ngài tâu xin hoãn việc ấy, kế ngài có bệnh rồi mất, thọ 49 tuổi.

Ngài mất có để lại tờ di-biễn. Vua đọc lấy làm thương tiếc, phong tặng ngài *Binh-Bộ-Thượng-Thor*.

Năm Tự-Đức thứ 11 (1858) ngài được thờ vào Hiền-Lương-từ.

Sử phê : Tường-Vân tánh tình nhả đậm thanh khiết, bác lắm thơ tịch, hề nghe có sách là thì liền kiếm mà đọc. Làm quan thường thì huệ-chánh, bởi vậy dả đổi đi chỗ khác rồi mà dân cứ thương tưởng hoài.

Ngài có 2 người con : người lớn, tên Tường-Vĩnh, triều Minh-Mạng thi đậu Phó-Bãng, làm quan đến chức Định-Tường Tuần-Phủ. Người nhỏ, tên Tương-Phổ triều Thiệu-Trị thi đậu Tấn-sĩ, làm Giáo-thọ phủ Điện-Bang.



NGUYỄN-ĐỨC-HUYỀN

NGÀI gốc ở huyện Phù-Kiết, thuộc Bình-định. Thân sanh ngài, tên Chí, trước đầu Ngụy làm Cai-Bô, năm 1790 qui thuận đức Cao-boàng theo Tôn-thất Huy tham biện nhung vụ, sau thăng Chánh-dinh Cai Bộ. Từng chinh có công sau được lên chức Hộ-bộ Tham-Tri. Năm 1793 từng chinh Qui-Nhơn, chừng về bị bão úp thu ền chết được tặng Đô-sát-viện Hữu Phó Đô-ngự-sử.

Nguyễn Đức-Huyền có văn học. Năm 1796 được bổ vào Thị-thơ-viện, rồi dời làm Tham-Luận cho Thần sách-quân Dương võ vệ và phụng mạng ra Diên Khánh dò thám tình hình của giặc.

Năm 1799, ngài theo cụ Lê-văn-Duyệt đánh giặc, tấn binh ra Đạm-Thủy, rồi về Sa-Lung an thủ. Chừng trở về ngài được thăng Công Bộ Tả Tham-Tri.

Năm 1800 theo đại binh ra cứu Bình Định rồi năm sau theo vua khắc phục Phú Xuân. Ngài phụng mạng kiêm duyệt binh Tây-Sơn lại dâng chọn cho sung vào thủy quân.

Năm Gia-Long nguyên niên (1802), ngài theo

đại binh chinh phục Bắc Hà, đến Nghệ-An ngài phụng
chiếu trở về Kinh lò sắp đặt thuyền sưa

Năm 1803, ngài đốc công kiến trúc miếu điện.

Năm 1808, ngài coi cất Văn-miếu.

Năm 1817, ngài hiệp với Hữu Tham Tri Đoàn-
viết-Nguơn làm bộ sách « Hải trình bị lục », nam
chí Hà Tiên, bắc chí Quảng Yên, phạm chỗ nào sâu
cạn, đường nào xa gần, mỗi mỗi đều biên đủ hết.

Năm Minh-Mạng nguơn niên (1820) vì có bệnh
nên ngài xin giải chức Sau vua thăng ngài *Thự
Cộng-bộ Thượng Thờ*. Ngài được biếu cổ-tử, nhưng
vua không cho.

Năm 1823, thăng tu Thái-Miếu, ngài với Trần-
văn-Năng lãnh đốc công và được thăng thiệt thọ
Cộng Bộ Thượng-Thờ.

Năm 1824 ngài có bệnh rồi mất, thọ 53 tuổi

Năm Tự-Đức thứ 11 (1858) ngài được liệt thờ
vào Hiền-Lương-tử.



NGUYỄN HOÀI HUỲNH

NGƯỜI gốc huyện Kiến Hòa, thuộc Định-Tương, lúc nhỏ chăm' lo học tập. Chứng lớn, gặp loạn Tây-Sơn, mới ẩn trú trong làng mà dạy học.

Năm 1791, nhưn khoa tân hội mở đầu ở Gia-Định, Quỳnh thi đậu được bổ vào phủ lễ sanh, sau đổi làm chức Tham-luận trong vệ Hồ-Oai, để theo vua chinh phạt.

Năm 1795, Quỳnh thăng Hình-bộ Hữu tham-tri.

Năm 1798, cùng với Phó tướng Nguyễn-dức-Thành đi sứ qua Xiêm, chừng về được sung làm Đông-cung Thị Găng.

Năm 1799, theo vua khắc phục thành Qui-nhơn rồi cùng với cụ Võ-Tánh ở trấn Bình-Định, phụ coi quân vụ. Chừng cụ Võ-Tánh từ tiết rồi, Trần-quang-Điệu vào thành bắt Huỳnh, nhưng Quỳnh không chịu hàng phục, cách chừng một tháng thì lên trốn về Phú-Xuân yết kiến vua và tâu rõ tình trạng của các quan tử tiết. Vua an ủi : « Người chết thiệt là trung thần nhưng người sống để trở về với trẫm cũng là nghĩa sĩ, ai cũng dày công lao khổ quá ».

Năm Gia-Long ngươn niên, Quỳnh được lãnh chức Nghệ-An Hiệp-trấn. Quan Thủ-trấn là Huỳnh.

viết-Toãn làm quan thuế và chiếm dân điền. Quỳnh lấy sự ấy tâu về triều. Vua khen và thưởng 300 quan tiền.

Năm Gia-Long thứ 5, Quỳnh đổi làm Hình-bộ Tả Thanh-tri.

Năm thứ 6, được sung đề điền trường-thi Sơn-Nam (Nam-Định)

Năm thứ 7, được lãnh chức Thanh-Ba Hiệp, trấn (Thanh hóa). Lúc ấy tuy việc cang qua đã dứt, nhưng cái khổ của dân vẫn còn. Quỳnh tận tâm an ủi và dạy dỗ, hề việc nào có lợi ích cho dân thì thanh thiết tâu ngay với Triều-đình. Cách cai-trị thì giản dị, song nghiêm trang, nên cả thấy quan dân trong trấn đều bình an.

Hễ rảnh việc quan thì Quỳnh đến nhà học chánh cùng với Đốc-học Phan-bảo-Định lo giảng luận kinh sử mà dạy con em. Trong trấn ai cũng đến đó mà học, nhờ vậy mà sĩ phong được chấn hưng rực rỡ. Nhà học ở sát một bên đường nên người ta đi qua lại ngoài cửa tối ngày. Một bữa Quỳnh thỉnh lính hỏi các học sanh : « Mỗi ngày số người đi qua lại ngoài lộ được bao nhiêu ? » Các học-sanh ngạc nhiên, không đáp được.

Quỳnh nói : « Chỉ có 2 người : nghĩa với lợi mà thôi. Học cũng vậy, chỉ có 2 chữ : nghĩa với lợi. hai chữ ấy là danh ngôn đời đời ».

Quỳnh làm quan rất thanh liêm kiệm ước. Nếu

hồng lộc không đủ dùng trong nhà thì mượn tiền trong kho dùng đỡ rồi trả lại. Vua hay việc trái phép ấy, nhưng không làm tội, dạy phải bồi thường đủ số mà thôi.

Năm Gia-Long thứ 13, Quỳnh được triệu về kinh, chương ra di si dân thấy đều mến tiếc.

Năm thứ 15 sung chức Thanh Hòa-điện Phụ-đạo.

Năm thứ 16, lãnh chức Bắc Thành Bình-Tào, chưa kịp nhậm chức thì đau mà mất, thọ 57 tuổi, được tặng Chánh trị khanh.

Con, lên Vinh, thi đậu Giã-nguyên trường Gia-định, làm quan tới chức Tri-Phủ rồi có việc bị cách.



NGUYỄN XUÂN-THỰC

NGƯỜI gốc huyện Quảng-Phước, thuộc Khánh-Hòa.

Thực có văn học, nhưng gặp đời binh chiến nên cải nghiệp theo võ, ban đầu ở theo đạo binh của Võ-Tánh.

Năm 1796, lãnh chức Tiền kích-vệ Tham-luận.

Năm 1799, theo vua khắc phục Bình-Dinh rồi cùng với Phó-tướng Nguyễn-văn-Biện giữ Sa-Lông. Chưng Trần quang-Diệu dẫn quân vào tới, thì vùng lĩnh Võ-Tánh đem binh vào thành Bình-Dinh.

Khi Võ-Tánh tử tiết rồi, Thực bị Trần quang-Diệu bắt làm lính và sai đi thủ Mân-khe. Thực lén trốn qua binh của Lê-văn Duyệt rồi theo về Kinh.

Năm Gia-Long thứ 2 lãnh chức Nghệ-An Tham-Hiệp.

Năm thứ 4 đòi làm Trấn-Biên Ký-lục sau đòi làm Vĩnh Thuận trấn Cai Bộ.

Năm thứ 12 về Kinh rồi được thăng Hộ-bộ Hữu Tham-tri, sau đòi qua Binh bộ Tả Tham tri và lãnh chức Thanh-Ba Hiệp Trấn. ●

Năm thứ 16 vì cha có bệnh nên xin nghỉ. Vì

trước ở Vĩnh-Thành làm nhiều việc không ngay, bị quan Thanh tra xét ra, nên Thục bị giáng làm Binh-Bộ Kiểm-sự.

Năm thứ 17, về Kinh được phục chức Binh-Bộ Tả Tham tri và lãnh Thanh-Ba Hiệp-trấn như cũ.

Năm Minh-Mạng nguyên niên, được triệu về Kinh sung làm Sơn-Lãng Phó sứ rồi đổi làm Hộ-Bộ Hữu Tham tri và lãnh quản-lý Hộ-Tào ở Gia-định, coi luôn về Công-Tào.

Năm Minh-Mạng thứ 2, được sung đề điều trưởng thi Gia định.

Năm thứ 6, thăng Binh bộ Thượng-Thor và sung đề điều trưởng thi Thừa-Thiên, sau đổi làm Lễ-bộ Thượng thor.

Năm thứ 7, sung Chủ khảo trưởng thi hội và mùa hè vua tuần thú Quảng Bình, thi Thục cùng với Tôn-thất Bình lưu thủ Kinh thành.

Năm thứ 8, già lại bệnh nên xin về hưu cách mấy tháng sau thì mất.

9

NGUYỄN DUY HÀN

NGÀI gốc ở huyện Từ-Sơn, thuộc Bắc-Ninh, có văn-học, lại có khí tiết.

Khi vua Quang-Trung (Nguyễn-văn-Huê) thân phục Bắc-Hà rồi, Duy-Hàn không khứng ra làm quan với Tây Sơn, mới rủ người đồng quận là Đồ-thành-Lâm và Ngô đức-Tuấn vào Gia-Định phò tá đức Cao hoàng.

Mới vào ngài được sung Hàn-Lâm-viện rồi đổi làm Tham-quân theo Thấn sách-quân tiền đồn mã đánh giặc. Cách chẳng bao lâu ngài mất, được tặng *Thái bộc Tư khanh* và được thờ vào Phú-Yên Biếu-rung-từ và Gia-Định Hiền trung-từ.



ĐỒ-THÀNH-LÂM. — Người đi với Nguyễn Duy-Hàn vào Gia-Định, gốc ở Ân-Phong, thuộc Bắc-Ninh.

Ngài cũng có văn học, đầy dũng cảm, lại thông binh pháp, nên mới vào Gia-Định thì được sung Hàn-Lâm-viện, rồi đổi qua làm Cai-dội, sau thăng đến chức Vệ úy,

NGÔ-ĐỨC-TUẤN. — Gốc ở Đông Ngạn, cũng thuộc Bắc Ninh.

Đi với Duy-Hàn và Thành Lâm vào Gia-Định, ban đầu ngài cũng được sung Hàn âm-viện, sau làm Tham Luận về Thần-sách-quân tả đồn.

Năm 1801, ngài xin về Bắc-Hà khuyến dụ hào mục dẹp giặc lập công. Vua phong chức Bắc Hà Chiêu-thảo sứ. Về tới Bắc-Hà Đức-Tuấn hiệp cùng bọn Nguyễn-đình Giao-chiêu mộ mấy ngàn nghĩa binh, đánh lấy Biện-Sơn, đoạt được vài chục thuyền lương của giặc, lại bắt được hai Tham đốc Tấn và Linh với 300 quân. Đức Cao-Hoàng hay tin thì khen ngợi và dạy Tuấn cứ giữ Biện-Sơn, là yết-hầu của giặc, mà đợi vương sư.

Đức-Tuấn nghĩ không có binh viện thì không thể giữ Biện Sơn được mới lui binh về Linh Giang, gặp đại quân ra tới, bèn nhập bộ binh mình làm « Qui nghĩa chi », ảnh chức Trưởng-chỉ và theo Đặng Trần-Thường điều khiển.

Năm 1802 thân phục Bắc-Hà rồi thì Ngô Đức-Tuấn lãnh chức Hải Dương Hiệp-Trấn, kể có tội nên bị miễn.



TRƯƠNG MINH-THÀNH

NGÀI gốc ở huyện Bình-Dương, thuộc Gia-Định.

Năm 1791, thi đậu được bổ Nho-học Huấn-dạo rồi sung vào Công-sĩ viện.

Năm 1793, sung vào Thi-Thơ viện.

Năm 1799, thăng Thi-Thơ-viện Phụng chỉ.

Năm 1802, thăng Hàn-Lâm-viện Thi-Thơ Phụng-chỉ, rồi ra làm Cai-bộ Quảng-Đức. Ngài làm quan cần cang cẩn thận, nên sau được thăng Hộ-bộ Hữu-Tham-Tri.

Năm 1810, ngài mất.

Năm Minh-Mạng thứ 20 (1839), ngài được truy tặng Lễ-bộ Thượng-Thơ.

Con ngài là Trương-Minh-Giản sau làm quan đến chức Trấn-Tây Tương-Quân, Bình-Thành-bá.



HUỲNH NGỌC UẨN

GỐC ở huyện Bình-Dương, thuộc Gia-Định.
Năm 1788, ngài ra đầu quân, được bổ làm
Thư-ký Tả quân dinh.

Năm 1791, thi đậu được bổ làm Thị-học trong
Quốc-lữ-giám.

Năm 1794, làm Phó-sứ đi sứ Xiêm.

Năm 1795, đổi làm Han-Lâm Thị-học theo
Đông Cung trấn Diên Khánh.

Năm 1798, ra làm Bình-Hòa Cai-Bộ.

Năm 1802, sung Hình-Bộ Hữu-Tham-Tri và sung
làm Phó-sứ đi sứ qua Tàu. Chương về lãnh Bắc-
Thành Hình-tào.

Năm 1806, ra làm *Nghệ-An Hiệp-Trấn*, kể vì
có tang mẹ nên xin nghỉ.

Năm 1810, lãnh lại *Hình tào Bắc-Thành*.

Năm 1817, ngài mất.



NGUYỄN DUY-HÒA

GỐC ở Lê-Thủy, thuộc Quảng-Bình, hồi nhỏ lo học, không chịu đầu Tây-sơn.

Năm 1793, vào nam, nhờ cụ Nguyễn-văn-Thành thâu làm mò-tân rồi tiến dần với Triều-dinh.

Năm 1794, Duy-Hòa được làm Hán-Lâm-viên Chết-cáo.

Năm 1799, ra làm Ký-lục Phan-Trấn, làm quan thận cần, trị dân có tài.

Năm 1802, được triệu ra Kinh thăng chức Hình-Bộ Tham-Trì và lãnh Hình-Tào Bắc Thành.

Năm 1805, ra làm Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng, kể có tội bị miễn.

Lâu về sau cụ Nguyễn-văn Thành dựng sớ tâu rằng Duy-Hòa là người có tư cách làm quan, nên xin vua liệu dùng. Vua bèn cho Duy Hòa phục chức Sơn-Nam-bạ hiệp-trấn rồi đổi qua Kinh-Bắc cũng làm Hiệp-Trấn. Kể ngài xin nghỉ về thăm mẹ già, chừa trở ra cũng lãnh chức cũ.

Duy Hòa nhờ cụ Nguyễn-văn-Thành cùng hộ tiến dần nhiều phen mới được triều-dinh trọng dụng. Lại lúc cụ Thành làm Tổng-Trấn Bắc-Thành

thì Duy Hòa lãnh coi tào vụ, nghĩa là làm tay chơn cho cụ Thành. Thiết có nhiều việc cụ Thành. Thiết có nhiều việc cụ Thành hay chuyên quyết, làm cho Duy Hòa không vui.

Năm 1815 Duy Hòa ra làm Ký-Lục Quảng Trị rồi năm sau về triều chầu vua. Lúc ấy con trai cụ Thành là Thuyên bị Nguyễn-trương-Hiệu tố cáo tội muốn phản nghịch. Thuyên bị giam để đối biện với Hiệu trước Hạ-dinh-ngự. Vả lời cáo của Hiệu không đủ bằng cớ, lại dinh-ngự chỉ nghị mà thôi; vua nghĩ tội của Thuyên chưa minh bạch, lại cụ Thành là khai quốc công thần, bởi vậy vua cho cụ Thành chầu vua như thường và cho Thuyên thông thả về thăm nhà.

Duy-Hòa liền tâu với vua rằng cụ Thành là người không biết giữ phép, còn mưu phản nghịch, sự đồ bề ra, người không thêm thêm tội, lại cứ mặc áo mào chầu vua, hèn hèn tự đắc đứng trước trăm quan giữa triều-dinh. Người làm như vậy thì còn gì thể-thống của triều-dinh là cơ quan quốc-thể của Liệt-thánh đặt ra, rồi Hoàng Thượng thừa thiên mạng mở rộng cõi bờ mà tiếp nối. Vậy phải chánh triều đình đặt chánh bá quan; phải chánh vạn dân đặt hành tứ phương, làm như vậy cho thiên-hạ thần dân chiêm ngưỡng nghĩ thực. Nay nếu Thuyên bị Hạ-dinh nghị mà được về thăm nhà, thì pháp luật không thi hành, rồi lấy

chỉ mà trị thiên-hạ. Huống hồ cụ Thành là người lập ra điều luật, mà cụ giao kết cận thị, tiền cử bọn cướp, giầu tội cường-gian dâm loạn, lên kết bằng dăng, cậy quyền trên mà lo việc riêng, như kiến trúc mồ phần cho mẹ, theo luật về đạo nhưn thần thì chẳng còn tội nào lớn hơn nữa. Nếu Bệ hạ muốn vị người có công, thì ững phải phú cho triều-dinh công nghị dăng khỏi trái luật pháp, rồi sau Bệ hạ sẽ lấy ơn mà châu toàn, làm như vậy luật nước mới rõ-ràng, lại gian-thần biết sợ mà chừa cải.

Vua giao cho Hạ đình-ng nghị tra xét. Cụ Thành cãi nghĩa thì cụ chỉ có tội cũ người không đúng-dẫn mà thôi, còn mấy tội mà Duy-Hòa cáo cụ thì cụ cãi được hết.

Duy Hoà được hai tội cụ Thành thì lấy làm đắc ý. Có người thân thiết trách ngài về sự ấy thì ngài nói : « Luật pháp là vậy đó các người không hiểu thấu đâu. »

Một bữa đi ngang qua Đoan-môn ngài không xuống xe. Quan hữu-lư bắt lại và đánh 80 trượng.

Năm 1817 ngài được thăng Hình Bộ Hữu-Tham Tri. Ngài vào tạ ơn. Vua dụ rằng : « Người hai tội Nguyễn-văn-Thành thì người có khiêu ham giữ pháp luật. Sau người đi ngang qua Đoan-môn không thêm xuống xe để phạm tội. Tại sao trước

sau mâu thuẫn như vậy ? Người phải dè-dặc mới được. »

Năm 1819, ngài được sung coi trường thi Thăng Long. Chừng về ngài bị trúng ác-phong nhào lộn mà chết nội một đêm. Đêm ấy bọn gia dịch lại trộm lấy cả tài sản mà trốn, không còn một vật chi hết.

Năm Minh-Mạng nguyên-niên (1820) vua truy cấp 2 cây gấm với 50 lượng bạch kim.

Con ngài, tên Duy-Trường, làm quan đến chức Hàn Lâm-viện Điện-bộ.



LÊ CHÁNH LỘ

GỐC ở Phong-Đăng, thuộc Quảng-Bình.

Ngài là người thế-gia, lại có văn-học. Gặp hội binh biến ngài dẫn lòng ân dật.

Đến năm 1801, đức Cao-hoàng thân chinh Qui-Nhon. Chánh-Lộ lên dựng biểu kể tình hình của giặc ở Phú Xuân. Vua dạy Chánh-Lộ tùy phương tiện mà hành động, hoặc xuất chúng vào đầu, hoặc bắt giặc đem nạp. Qua mùa hạ đại binh khắc phục Phú-Xuân. Chánh-Lộ bái yết, được lãnh chức Lại-Bộ Kiểm-sự.

Năm 1802, theo vua thân phục Bắc-Thành. Bình xong Tây-Sơn rồi, qua mùa thu, Chánh-Lộ với Trần-minh-Nghĩa phụng mạng ra ải Lạng-Sơn chức tiếp sứ Tàu.

Năm 1805, được thăng Lễ-bộ Hữu-Tham-Tri.

Năm 1813, lãnh coi trường thi Nghệ-An, rồi vào coi trường thi Gia-Định.

Năm 1817, ngài mất.



NGUYỄN-VĂN-LÊ

GỐC ở Bình-Dương, thuộc Gia Định.

Năm 1791, thi đậu được bổ vào Công-sĩ-viện.

Năm 1799, thăng Hàn Lâm viện.

Năm 1806, thăng *Binh-Bộ Hữu-Tham-TRI*.

Năm 1809, ngài có bệnh rồi mất.



LÊ ĐĂNG-KHOA

CŨNG gốc ở Gia-Định, ra đầu quân, thọ chức
Thư ký.

Năm 1790, thăng Hình Bộ Tham-TRI.

Năm 1793, ra làm Ký Lục Bình-Khương.

Năm 1794, trở về làm *Áy-lục* Vĩnh Trấn, rồi
mất.



PHẠM QUANG-TRIỆT

NGÀI gốc ở Diên-Phước, thuộc Quảng-Nam, sau ông bà dời vào ngụ Gia-Định. Ngài là em Hình-Bộ Thượng-Thư Phạm như Đăng.

Ngài có tánh cứng cỏi thẳng ngay.

Khi khởi cuộc Trung-hưng, ngài được sung vào Công-sĩ-viện rồi đổi qua Hàn-Lâm-viện Thi-học.

Năm 1815, ngài thăng tới chức *Lại-Bộ Tả-Tham-Tri*. Năm ấy ngài có dựng sở thỉnh cầu 3 việc : 1. Dạy các quan hữu-tư (1) phải tiến cử người giỏi mình được biết ; 2. Dùng người phải đo hiệu liêm đức bần, 3. Tăng thuế để làm lợi ích cho dân-sanh. Vua phú cho triều đình bàn nghị mà thi hành.

Năm 1816, sách lập Hoàng Thái Tử, ngài được sung chức Phụng-chiếu.

Năm 1818 ngài mất.

Sử phê : Quang-Triệt thanh liêm cần cù, thấy Phạm-như-Đăng xử án gắt-gao ngài thường can ngăn.

Con ngài, tên Trích, sau đậu Cử nhân, làm quan đến chức Ninh-Thái Hộ Đốc, thình danh từng lần, nhưng có tội bị cách.

(1) Hữu tư là quan lại. Sự các hữu kỳ chuyện tư, vì vậy nên gọi là Hữu tư.

LÊ ĐẠI NGHĨA

GỐC ở Hải Lăng, thuộc Thừa-Thiên.

Nhà nghèo, ham học, không chịu phục sự Tây-Son.

Năm 1791 ngái cùng với Nguyễn-Đàn, người Thanh-Tĩnh, vượt biên vào Gia-Định yết kiến đức Cao-boàng, được sung Hàn Lâm-viện.

Năm 1801, sung Hoàng-tử Thị-học.

Năm 1803, ra làm Ký-Lục Quảng-Trị, rồi được dời về triều.

Năm 1820 vua Minh Mạng thăng ngái Cẩn-chánh-diện Học-sĩ và sung Hoàng-Tử Giáo-đạo. Đại-Nghĩa là người ngay thẳng, nghiêm nghị, ít nói, có khi ngồi lặng thình cả ngày. Các Hoàng-Tử thấy nghiêm ấy thì kính sợ.

Năm 1821, được thăng Thự Binh-bộ Hứa-Tham-Trị rồi mất.

Năm 1825, được tặng Binh Bộ Tham-Trị.

Năm Thiệu-Trị thứ 2 (1842) được gia tặng Lễ-Bộ Thượng-Thư.

Năm Tự-Đức thứ 11 (1857) được liệt thờ vào Hiền-Lương từ.

Con ngái, tên Bồn, tánh cương trực như cha, triều Minh-Mạng có làm Phủ Vinh Tri-huyện Kinh-kỳ đạo Ngự sử, Hộ-bộ Lang trung. Có tội bị miễn rồi sau phục chức Lục-Ngân Tri-huyện, trở làm Công-bộ Lang-trung rồi ra lãnh chức Định-Tướng Án-sát sau thăng Bổ chánh-sử.

NGUYỄN CỬU HẠNH

CÓ tên khác kêu là Hi.

Nguyên tịch ở Thừa-Thiên, sau vào ngụ Gia-Định.

Khi mới khởi cuộc Trung-hưng ngài ra làm quan, lần lần thăng tới chức Lễ Bộ Tả-Tham Tri.

Năm 1799, khắc phục Qui-Nhơn rồi, tướng-sĩ thêm đông, lương hường không đủ dùng. Cửu-Hạnh với Như-Đặng trưng thâu lúa gạo mấy huyện ở Bình Định để cung cấp quân lính. Chưng vua ban sư thì ngài ở lại giúp cụ Võ-Tánh coi các việc binh dân, tiền túc từ tưng Kể ngài có tội bị miễn.

Năm 1801, được phục chức Lễ-bộ Tham-Tri, rồi kể mất.

Ngài với Tham Tri Lê-hoảng-Định đều được thờ vào Trung hưng Công-thần miếu.



LÊ-HOẢNG ĐỊNH. — Gốc ở Bình - Dương, thuộc Gia-Định. Ban sơ làm chức Hàm Lâm-viện. Chế cáo sau thăng tới chức Lễ-Bộ Tham-Tri.

Sự tịch chỉ biết có bấy nhiêu đó mà thôi.

TRẦN PHƯỚC-TRI

KHÔNG rõ hương-quân.

Ban đầu làm quan trong nội, sau thăng Binh-bộ Tả Tham-Tr.

Năm 1795, theo vua cứu Diên-Khánh, hiệp với Chương-cơ Nguyễn-văn-Từ đi mua lúa gạo của dân, dặng giặc không lấy được, chững giặc lui rồi thì trả lại cho dân ăn.

Năm 1799, cùng với Cai-cố Tống-phước-Châu phụng sứ qua Xiêm báo thiệp. Chững về theo vua chinh phạt Qui-Nhơn, rồi mất, được tặng chức *Binh-Bộ*.

Năm 1804, được liệt thờ vào Hiền-trung-từ.

Năm 1810, được thờ vào Trung-hưng Công-thần miếu.



NGUYỄN TỬ-TRINH

GỐC ở huyện Kiến-Hòa (Gocong) thuộc Định-Tướng.

Ban sơ làm chức Tham-mưu theo Hậu-quân Võ-ai vệ, sau đổi làm Tham-Luận Dương-võ-vệ.

Ngài có tài biện luận, sau được thăng **Công-bộ Tả-Tham-Tri**.

Năm 1799, cùng chinh Qui-Nhơn, hiệp với Tham-mưu Trần-dăng-Hựu quản xuất thuyền lương từ Cà-Mông ra Thị-Nai để cung cấp cho tướng-sĩ.

Năm 1800, ngài mất.

Được thờ vào Trung-hưng Công-thần-miếu.

NGUYỄN THÀNH-CHÂN

GỐC ở Phong Đăng, thuộc Quảng-Bình, vào ngụ Gia-Định.

Ngài có tánh kỹ-lưỡng, siêng năng, thông thạo việc lại.

Khi mới khởi cuộc Trung hưng, ngài làm quan trong nội điện, sau đổi làm Chánh dinh Tri-bộ, cùng với Chương-Cơ Cáp văn-Hiếu coi cuộc đức tiền.

Năm 1805, thăng **Hộ-Bộ Tả Tham-Tri**.

Năm 1810, ngài mất, được vua ban 2 cây gấm với 3 tháng lương và được liệt thờ vào Trung hưng Công-thần miếu.

TRẦN QUANG-TÍNH

GỐC ở Bình-Dương, thuộc Gia Định.

Năm 1788, được bổ vào Thi-thơ-viện, rồi đổi làm Hàn Lâm Viện Trưởng sau ra làm Phan-Trần Cai Bộ.

Chứng khắc phục Phú-Xuân rồi, ngài được triệu ra Kinh lãnh chức Bình-Thuận Cai-Bộ, rồi đổi làm Sơn-Nam-hạ Hiệp-Trấn, sau đổi làm Định-Tướng Ký Lục.

Cách chẳng bao lâu, thăng Lê-bộ Tả-Tham-Tri, rồi đổi qua Bình-bộ Hữu Tham-Tri, lãnh Bắc Thành Bình tào.

Năm Minh Mạng thứ 2 (1821) có việc bang giao vua di giá Bắc tuần, hạ chiếu dạy quan dân tỏ bày ý kiến.

Quang-Tính có điều trần 10 việc, trong ấy có điều thứ nhất xin vua Nam tuần Gia Định. Vua khen và ban thưởng.

Năm 1826, ngài được triệu về Kinh làm Bình Bộ Hữu-Tham-Tri, kể có việc lui thôi ngài trở về Gia Định rồi mất.



TRẦN CÔNG-ĐÀN

GỐC ở huyện Tân-Long, thuộc Gia Định.

Năm 1788 ra phò đức Cao hoàng thọ chức Thi-học trong Quốc tử-giám, rồi dời qua Hàn-Lâm-viện, song cũng giữ chức Thi-học.

Năm 1805, làm Vĩnh-Thành Ký lục.

Năm 1807, cùng với Ngô nhưn-Tĩnh phụng sắc phong Nặc-ông-Chơn làm Cao-miên Quốc-vương. Chưng về được triệu ra Kinh.

Năm 1813, thăng Binh-Bộ Tả Tham-Tri và hiệp với Nguyễn văn-Thoại Bảo hộ Cao Miên.

Công-Đàn vào bệ từ, vua dụ rằng : Phieu quốc mới định, nhưn dân chưa quen. Bọn người làm bảo hộ phải thể theo đức ý của triều-đình, đừng đem gộp hóa lợi, đừng dùng lũng kẻ gian, đừng làm đoạt của người Miên, đừng khuấy nhiễu chốn biên thủy.

Năm 1835, Công-Đàn được triệu về Gia Định coi việc Hộ-tào rồi mất.



LÊ-VĂN-XUÂN

GỐC ở Hải Lăng, thuộc Thừa Thiên.

Vào Gia-Định giúp đức Cao-hoàng làm đến chức Tham quân.

Năm 1799, theo Nguyễn-văn-Thoại, Lưu-phước-Tường và Nguyễn-hoài-Châu độ thượng đạo lên Vạn-Tượng chiêu dụ các man sách đánh mặt Nghệ-An để chia bớt sức giặc Hồ Thoại về Gia-Định phục mạng, thì Xuân thế coi quân lính hơn 200 người, hiệp cùng binh Vạn-Tượng mà đánh giặc.

Năm 1801, ngài có bệnh rồi mất tại Viên Chơn (Vientiane).

Được tặng chức *Tham-Nghị* và liệt thờ vào Hiền-trung-từ.



NGUYỄN HOÀI-CHAU

GỐC ở huyện Kiến-Hòa, thuộc Định-Tướng.

Ra phò tá đức Cao-hoàng, lần lần thăng đến chức Tham-mưu.

Năm 1799, phụng mạng đi với Thoại, Tường và Xnân lên Vạn-Tượng chiêu dụ các man sách Lèo, ngài mất ở trên ấy.

Được tặng chức *Tham-Nghị* và cũng được liệt thờ vào Hiền-trung-từ như Lê-văn-Xuân.

NGUYỄN CÔNG-THIỆP

GỐC ở Hải Lăng, thuộc Thừa-Tiên.

Năm 1801, ra tá trợ đức Cao-hoàng lãnh chức Kiêm-sự ở Hộ Bộ rồi ra làm Nam-Định Hiệp-Trấn. Sau được triệu về triều và thăng Bộ-Bộ Hữu Tham Tri.

Năm Minh-Mạng thứ 2 (1821) hiệp với Võ viết Bưu ở công-quán tiếp hầu sứ.

Công Thiệp thông suốt cổ điển, thuộc cả hiến chương, bề rảnh việc quan thì biên tập thành bộ sách nhan đề : « *Sĩ hoạn tu tri lục* », gồm 6 quyển, biên đủ các lễ giao, lễ miếu tới cương vực số dân, định điền thuế lệ, chức sắc binh dân, phân từ mục rành rẽ, Ngài dâng bộ sách ấy cho vua.

Sau ngài phụng chỉ làm Hiệp Trấn Thanh-Ba. Khi vào bệ từ, ngài tâu rằng đất Thanh-Ba không tốt, thường thất mùa dân đói, bởi vậy trộm cướp dấy lên. Vậy nay phải khoan dung cho thủ phạm để khuyên dân trở lại lương thiện, xin phép tâu nghị hành sự đặng an lòng dân chúng. Vua cho lời tâu là phải.

Sau lại đổi làm Bắc Thành Hộ tào, rồi về lãnh Binh-bộ Tả Tham-Tri và sung Nghệ An Tham táng quân vụ. Chứng trở về coi bộ vụ, làm nhiều việc sai lầm nên bị giáng Công bộ Lang trung, rồi vào làm Thị Hiệp Trấn Bình-Định, kế sung Binh-bộ Hữu Thị-Lang lãnh chức Biện-Lý Gia-Định Bình-tào. Năm 1820 ngài mất, được tặng Binh-bộ Tham-Tri.



NGUYỄN XUÂN-TÌNH

GỐC ở Hương-Trà, thuộc Thừa-Thiên.

Năm 1801 vào Hán-Lâm rồi đổi qua làm Kiểm-sự bộ Lại, sau ra làm Quảng Nam-dinh Ký Lục.

Ngài làm quan giữ dạ thanh-cần, trọng việc sông, nghiêm pháp luật, dân được an vui, nên năm 1819 được triệu về Kinh thăng Cần chánh điện Học sĩ và sung chức Chánh sử di sử qua Tàu, Chứng trở về, được thăng Thái-Thường Tự khanh phụ việc bộ Lễ.

Năm 1820, ngài mất, được liệt theo danh Tham-Tri.



TRẦN VĂN-THAI

CỐC ở huyện Hà Đông, thuộc Quảng-Nam, trước theo phò Tây sơn, làm chức Cai-Bộ kiêm Công bộ.

Năm 1793, qui thuận đức Cao-hoàng thọ chức Cai-bộ.

Năm 1796 cũng với Quân trung thủy Võ-di-Nguy coi 5 thủy dinh. Văn-Thai có trí khéo léo, nên chế tạo các thuyền sừ thì do một tay ngài ra qui thức, độ thước tấc.

Năm 1799, đại binh khắc phục Qui-Nhơn rồi, thì Văn-Thai hiệp với Nguyễn-văn Phát và Nguyễn hoài-Qủyah chiêu mộ sĩ tốt Qui-Nhơn bỏ vào đội ngũ, kể ngài với Phạm-văn Nhơn và Võ-di-Nguy phò Đông-Cung dẫn các đội thuyền cây về Gia-Định trước.

Năm 1802, ngài lãnh coi việc chở chuyên đường thủy.

Năm 1803, vua xe giá Bắc-tuần thì ngài với Nguyễn-văn-Nhơn và Nguyễn văn-Khiêm lưu thủ Kinh thành.

Năm 1806, ngài lãnh coi cả bá công. Ngài mệt, xin cho làm kiêm sự, vua mới cho coi các thủy dinh.

Năm 1809 ngài được thăng Công-bộ Thượng-thor, nhưng cũng coi thủy quân.

Cách chẳng bao lâu, ngài mất.

Vua tặng chức Tham-Chánh.

NGUYỄN HỮU-THẬN

GỐC ở Hải-Lăng, thuộc Thừa-Thiên, trước theo phò Tây-Sơn làm chức Thị Lang. Đến năm 1801 mới qui thuận đức Cao-hoàng.

Năm 1802, thọ chức Hàn-Lâm-viện Chế-cáo, rồi đổi làm Lại-bộ Kiểm-sự.

Năm 1808, ra làm Quảng-Ngải Ký-Lược, rồi thăng Lại-Bộ Hữu-Tham-Tri và lãnh đi sứ qua Tàu với 2 Phò-sứ là Quảng-Bình Cai-bộ Lê-đắc-Tần và Lại-bộ Kiểm-sự Ngô-Tuấn.

Chứng về có viết ra một quyển sách khảo cứu cách thức nhà Thanh làm lịch mà dâng cho vua xem. Ngài tâu rằng định chắc thời tiết cho nhơn dân là điều cần cấp trong nước. Vả nước ta cũng như nước Tàu thuở trước đều do phép làm lịch của nhà Minh mà làm theo, trót 300 năm rồi không canh cải chi hết, bởi vậy càng ngày càng thêm sai. Nhà Thanh, qua đời Khương Hi, đã theo phép Tây-dương mà làm lịch, bởi vậy lịch Tàu bây giờ biên kỹ lưỡng lại đúng đắn lắm. Ngài xin dạy Khâm-thiên-giám phải khảo cứu phép mới mà sửa lịch dặng cho thời tiết trúng

Năm 1811, Hộ-Bộ Lê-quang-Định tâu rằng Hữu-Thận tính rợ giỏi, tài ấy nên dùng, bởi vậy vua đòi qua Hộ-Bộ làm Hữu-Tham-Tri

Năm 1812 Hữu-Thận lãnh luôn chức Phó-quân Khâm-thiên-giám.

Năm 1815, vua thường luận thiên-tượng với ngài Ngài tâu rằng tháng tư và tháng 10 năm đinh-sửu (1817) sẽ có nhật thực

Năm 1816, ngài ra lãnh Bắc-Thành Hộ tào. Thiết quả năm 1817 có nhật thực y như lời ngài đoán trước. Hễ vua luận về việc Khâm-thiên-giám với quần thần thì vua nói duy có một mình Nguyễn hữu Thận có đủ học thuật mà coi việc ấy. Năm ấy vua triệu Hữu - Thận về và thăng Lại - Bộ Thượng-Thư.

Năm Minh-Mạng nguyên niên (1820), ngài làm Hộ-Bộ Thượng-Thư rồi lãnh coi luôn Khâm-thiên-giám.

Năm 1823, ngài quyền lãnh luôn việc Bộ Hình. Ngài có bệnh đã lâu nên tâu cho vua hay. Vua dạy con ngài là Hữu-Gia, làm Nội-Các Điện-bộ, về ở nhà săn sóc ngài.

Năm 1824, ngài vì già lại có bệnh nên xin hưu, Vua không cho, chỉ giải việc bộ Hình cho ngài mà thôi.

Năm 1825 ngài được thăng Hiệp-Biên Đại học-sĩ và lãnh chức Hiệp-Tổng Trấn Bắc Thành. Vua

day Hữu Gia đi theo. Ngài đứng sờ mà từ.

Năm 1826, bọn thổ phỉ nổi lên khuấy nhiễu, mà ngài không trừ được nên bị trách giáng. Năm sau bình được thổ phỉ rồi ngài được thăng thưởng 3 cấp và được triệu về Kinh làm Lại-Bộ Thượng-Thư và coi luôn Khâm-thiên giám.

Vả ngài là người lão đại-thần, mỗi khi vào triều, thì vua cho phép ngồi mà tâu. Kể có việc lỗi thời, lại già và bệnh nên ngài xin về hưu nữa. Lần này vua cho và giáng bổ ngài hàm Thượng-Thư hưu trí. Sau xảy ra việc thả tù phạm hồi ngài ở Bắc-Thành nên vua giáng ngài xuống Lại-bộ Tham-Trí hàm.

Năm 1830 ngài mất, thọ 78 tuổi được truy tặng Lại-Bộ Thượng-Thư và ban 200 quan tiền.

Ngài có 2 người con : Hữu Gia và Hữu-Hiện. Hữu-Gia năm 1821 thi đậu Cử-nhơn, làm Điền-bộ rồi sung Nội Các Hành-tầu, sau lần lên Binh-bộ Thi-Lang, lãnh Bắc-Thành Binh-tào. Kể bị miễn, sau phục chức Tuyên-Quang An-sát rồi mất.

Hữu-Hiện đậu Hương-Tiến làm quan đến chức Lễ-bộ Thi-lang

Năm Tự Đức thứ 5 (1852) sung chức Phó sứ qua Tàu. Chặng về dọc đường mất tại Ngô-châu (Quảng Tây) được tặng Thái-bộc Tự-khánh và ban 50 lượng bạc.



NGÔ ĐÌNH-GIẢI

GỐC ở Phong-Đăng thuộc Quảng-Bình, trước theo Tây Sơn làm chức Đồng-nghị. Năm 1801 qui thuận đức Cao-hoàng.

Năm 1802 bổ làm Kiểm-sự bộ Lại, rồi ra làm Ký-Lục Bình-Định, kể có tội bị miễn.

Năm 1817 được phục chức Ký-Lục và sung làm Tư-giản để dạy các Hoàng-Tử học. Vua khen Đình-Giải nghiêm chánh, bởi vậy các Hoàng-Tử Hoàng-Tôn đều kính trọng. Ấy vậy chọn người dạy học cần phải lựa lọc mới được.

Năm Minh-Mạng nguyên niên (1820) Đình-Giải được thăng Cần-chánh điện Học sĩ, nhưng cũng còn sung làm Tư-giản.

Vua khen Đình-Giải cương trực, dặn Nguyễn Hữu-Thận nên bàn nghị việc chánh với ngài, sau thăng ngài Hình-bộ Hữu-Tham-Trí. Năm sau lại lấy chức ấy sung làm Giáo-đạo xưng hiệu : Ngô Tiên sanh. Khi đại giá Bắc tuần, vua đòi ngài mà dặn : « Các Hoàng-Tử ở lại Kinh chẳng phải lo học văn-bọc mà thôi, mà cũng phải tập lãn thói

xuất nhập cho trúng lễ phép. Sự tập luyện đó là trách-nhiệm của người. Còn việc nước, việc binh, nếu có xảy ra điều chi, thì người phải hiệp với các Lưu-kinh Đại-thần mà thương nghị ».

Năm 1822, ngài cáo lão xin hưu. Vua không cho.

Năm 1825 được hưu trí giữ nguyên hàm rồi năm 1827 ngài mất, được tặng Binh-Bộ Thượng-Thư.



L'effort porte en lui-même sa récompense morale avant de se traduire par un profit matériel qui, d'ailleurs arrive toujours tôt ou tard.

Maréchal PÉTAİN

Sự bền lòng rán sức đem liền cho ta cái phần thưởng về tinh thần mà rồi nó còn biểu-lộ thêm cho ta sự lợi ích về vật-chất nữa sự lợi ích này sớm muộn gì rồi cũng sẽ đến sau

Thượng-tướng PÉTAİN

NGUYỄN VIỆT-TIẾN

Gốc ở Hương-Trà, thuộc Thừa-Thiên, trước theo Tây-Sơn, đến năm 1801 mới qui thuận lãnh chức Ký-Lục Quāng-Trị. Sau về Kinh lãnh làm Phó Đốc-học ở Quốc tử giám.

Năm 1807, vua khai hương khoa, Việt-Tiến được sung làm Giám-thị trường thi Hải Dương.

Năm 1810 được thăng Chánh Đốc-học. Kế già xin về hưu, được cấp nửa phần lương, rồi mất.

Sử phê : Việt-Tiến kinh-học uyên bác văn-chương tinh mật. Những người theo học phần nhiều được thành tựu.



Đ O A N T Ì N H

— TIỂU THUYẾT của HỒ BIỂU-CHÁNH —

(Tiếp theo Đ.V.T.C. số 45 46)

XI

NGÀY lụn tháng qua, trót hơn một năm rồi cô Vân không dám đi lên Saigon, vì sợ gặp cô Hòa thì phải thẹn lòng hổ mặt nhất là sợ gặp Thuần, rồi Thuần khéo gợi lửa tình phừng lên lại nữa, mà phải sanh chuyện lòi thối. Cô cứ xấn-bấn ở nhà, hằng ngày chằm lo thờ mẹ đặt phai-pha cái vít thương tâm, canh khuya có buồn thì mượn thú cầm thi mà nung cao tình tứ.

Tuy những lời than thở của Thuần đêm nọ nó còn văng vẳng bên tai cô hoài, tuy cái cảnh đang-dìu với Thuần vẫn cũng còn phưởng-phất trong trí cô hoài, nhưng mà từ ngày đoạn tình đặt cách biệt nhau, Thuần đã không gởi thơ lại cũng không làm cách gì để tỏ ý muốn thấy mặt cô nữa.

Hôm tháng trước, như dịp ăn thôi-nôi cho bé Hảo, cô Hòa có gởi thơ mời và trong thơ có trách

cô Vân về sự lặt lẻo tình chị em, không chịu lên chơi nữa. Cô Vân hồi âm, trong thư cô xiu lỗi cô mượn cơ bản việc nhà nên không thể đi được.

Đoạn tình đứng chống vững gia-đình cho Thuần là người yên, đoạn tình đáng giữ vẻ danh-dự cho mình là gái có học-thức. Nhớ tới hai ý-nghĩa cao-thượng ấy, thì cô Vân thường đặc chí thỏa lòng, mừng thầm đã tránh khỏi vòng nhuốc nhơ, mà lại còn làm được một việc đại nghĩa. Bây giờ tâm-hồn của cô Vân rất an ổn bình tịnh, tâm-hồn ấy phát hiện ra mà làm cho giọng đờn của cô trong veo làm cho câu văn của cô thanh nhã.

Một buổi chiều cô thấy trời trong gió mát cô mới bước ra hàng ba rồi nằm trên cái ghế xit-đu dựa cửa mà ngó ra sân. Chim bay về ổ kêu nhau chéo-chét; gió thổi đầu nhánh lay lá phất-phơ Mặt trời chen lặng nhuộm mấy cụm mây ở hướng tây ra màu hồng-hồng; ao sen nước đầy, đưa những đoá hoa lên trên cao nên coi lỗ-xô.

Cô Vân nằm ngắm cảnh rồi động tình. Cô vào trong nhà lấy cây đờn cầm ôm ra, rồi nằm mà đờn khúc « Đoạn tình », là khúc của cô đặt ra trong đêm trước. Cô và đờn và ngâm nhỏ-nhỏ dường như cô không muốn cho người khác nghe. Khúc đoạn tình cô ngâm như vậy :

Biên ai vừa xao động,

Dứt mình em đoạn tình.

Kiếp trần dầu giấc mộng
Em khỏi thẹn gương trính,

Biển ái vừa xao động,
Dẫn lòng anh đoạn tình,
Dần-dần im lượn sóng,
Anh chống vững gia-dình.

Gia đình, danh dự, đều tròn,
Tâm hồn thơ thới, nước non rõ-ràng.
Tiếng ngâm với giọng dân to-nhỏ
Đêm xuân chào bóng thỏ ngoài song.
Xét lòng em rất vui lòng.

Cô Vân ngâm vừa tới đó, thì có người trạm làng, thường bữa đi phát thơ, bước lên thêm mà trao cho cô một tờ nhứt báo với một phong thơ lớn và nặng. Cô tỏ lời cảm ơn, miệng chum-chím cười rất hữu duyên.

Người trạm xây lưng trở xuống sân, và đi và nói :

— Bữa nay ai gởi thơ cho cô mà dán cô nhiều đủ

— Thơ nặng nên phải dán cô nhiều chớ sao.

Người trạm nói tự nhiên, chớ không có ý muốn biết thơ của ai làm chi. Cô Vân cũng đáp tự nhiên, cô chưa hiểu thơ của ai, và thơ nói chuyện gì mà viết nhiều nên nặng quá lệ thường như vậy. Người

trạm đi rồi, cô bèn đứng cây đèn dựa cánh cửa rồi cầm bao thơ mà coi. Cô thấy tuồng chữ đề bao, lại thấy con dấu đóng trên cô là con dấu nhà thơ Saigon, thì cô nghiêm sắc mặt, nghĩ trong lòng, nên thủng-thắng mở bao rất kỹ lưỡng.

Trong bao có một bức thơ viết đầy hai trượng giấy với một tập giấy nhỏ đóng bìa đẹp-đẽ bằng giấy màu khôi nhàn. Lúc ấy trời đã chạng vạng tối, nhưng mà cô xem bức thơ thì thấy rõ ràng chữ Thuần viết và ký tên, còn tập giấy nhỏ thì ngoài bìa đề bốn chữ : « Đoạn tình nhứt-ký »

Cô châu mày ngồi ngẫm nghĩ. Có lẽ cô nghĩ bức thơ và tập nhứt ký này có chứa câu chuyện làm mất sự an-ổn bình-tĩnh của cô hay sao, nên cô suy nghĩ rồi xếp mà dứt hết vô bao lại cô không chịu đọc. Cô để bao ấy trong lòng cô rồi cô với lấy cây đèn mà đèn nửa, đèn đã g giải trí lo-lắng.

Trời tối, trong nhà đốt đèn đã lâu rồi mà cô cứ nằm đèn hoài Bà Chủ Hao, là mẹ cô Vân, bước ra hỏi : « Bữa nay trạm đã phát nhứt trình rồi hay chưa ? Sao con không đọc cho má nghe ? » Chứng ấy cô Vân mới chịu thôi đèn và lấy cái bao thơ với tờ nhứt bao mà đi vô nhà.

Dựa cửa sổ bên tay trái có lót một bộ văng cầm-lai, trước bộ văng có cái ghế nghi để trầu nước cho bà Chủ dùng. Ban ngày ba chủ thường ngồi tại đó ; ban đêm ba cũng nằm tại đó mà nghe con đọc

nhặt-trình hay là đọc truyện

Cô Vân đi thẳng vào phòng riêng của cô mà để cái bao thơ trên bàn viết rồi cầm tờ nhặt báo trở ra. Thấy mẹ đã nằm sẵn trên bộ văng cầm-lai, lại cũng có sẵn cái đèn trên ghế nghỉ cô mới đi lại đó ngồi mà đọc nhặt-trình cho mẹ nghe.

Bà Chủ chưa được 50 tuổi sức còn khỏe mạnh, tóc còn đen huyền. Bà nằm nghe con đọc, mắt ngó con, mặt vui-vẻ ôn hòa, bộ không lo không buồn về việc gì hết.

Cô Vân đọc hết mục thời sự rồi đọc qua tiểu-thuyết. Bà Chủ thấy con đọc mà trí dường như lơ ra, bà tưởng con mệt, nên biểu thôi, để sáng mai sẽ đọc tiếp. Bà uống nước rồi bà đi vô phòng mà nghỉ. Cô Vân kêu người ở biểu đóng cửa rồi cô bưng cái đèn đem vô phòng riêng của cô mà để trên bàn viết. Thấy phong thơ, cô cầm lên đưa gần đèn mà xem ngoài bao nữa. Xem bao mà cô không chịu mở ra mà đọc thơ, cô bỏ lại trên bàn, vộp đèn lu-lu, rồi qua giường mà nằm, gát tay qua trán, cặp mắt lim-dim.

Bây giờ trong nhà vắng teo, chỉ ngoài tường có tiếng dế gáy giéo-giắt, và đằng xóm có tiếng chó sủa xa xa mà thôi. Cô Vân trong trí bứt-rứt không chịu, bởi vậy cô nằm một hồi rồi cô vọt đứng dậy đi lại bàn viết ngồi văng đèn sáng lóa và mạnh dạn rút bức thơ và tập nhặt ký trong bao ra.

Cò xem bức thơ trước, thơ viết như vậy :

Cô Vân ôi,

Bức thơ này tôi lấy cô thì tôi xa cách quê-hương đã ngàn dặm rồi, đâu có có lợi nghiệp cho gia-đình của tôi, hay à cô có lo sợ về bước phiêu-vu của tôi, cô cũng không biết làm sao mà cản đường tôi được.

Tại sao mà tôi phải bỏ vợ con, lìa xứ sở ?

Tâm sự của tôi dài lắm, khó viết ra cho hết được.

Từ ngày đôi ta quyết định phải phân-ly đăng-bảo toàn danh-dự, chống vững gia-đình, thì tôi liền mở một tập « Đoạn tình như ký » để ghi chép niềm riêng của tôi, khi nào trong lòng tôi cảm xúc. Nay tôi gửi tập ấy lại đây cho cô. Cô xem rồi thì cô sẽ thấu hiểu tâm-hồn của tôi trong khoảng một năm nay, mà cô cũng sẽ rõ biết tại cơ nào tôi đành đoạn tình đoạn nghĩa.

Cô Vân ôi, đêm nọ cô vừa lâm-le hạnh-phước cho tôi thấy rồi cô liền lấy lại mà khuyên tôi hai điều : 1. phải trọng danh-dự. 2. phải yêu gia đình. Tuy tôi đau đớn lung lắm, nhưng vì tôi trọng cô, tôi yêu cô quá, nên tôi phải ép lòng mà vưng lời cô liền.

Danh dự thì tôi đã giữ tròn, gửi cho cô, mà cũng gửi cho tôi nữa.

Còn gia-đình... là gốc của xã-hội, là mục-đích của luân lý, là cái tôi kính trọng từ lúc còn thơ ấu mà cũng là cái tôi đã phải nhiều công-phu mới gây dựng ra được, có lẽ nào tôi lại đành xô cho nó sập đổ ngã. Ngặt vì cảnh gia đình của tôi quá nghịch tình nghịch ý thái quá, tôi rần rã hết sức rồi, không còn thể giữ-gìn cho vững chắc nữa được, bởi vậy tôi phải chịu thất ước với cô. Tôi xin cô tha lỗi cho tôi. Tôi đã xét kỹ rồi, tôi không làm theo lời cô khuyên được chẳng phải là lỗi tại nơi tôi, mà chính là lỗi tại người bạn nội trợ của tôi thiếu gia-đình giáo dục, không biết đạo làm vợ, nên đã không đem cho tôi hưởng hạnh-phước, mà lại còn làm cho tôi phải chịu phiền não đêm ngày.

Đêm đôi ta đàm luận với nhau ngoài mề biển, cô đã công nhận phụ-nữ của nước ta phần nhiều thiếu gia-đình giáo dục, rồi cô tỏ ý muốn lập nhà trường chuyên dạy về khoa ấy, dạy chỗ nhi-nữ Việt-Nam biết đạo làm vợ, biết đạo làm mẹ, đừng chừng xuất giá thì có đủ tài đủ đức mà xây nên hạnh-phước cho gia đình, làm cho gia-đình vững bền, vui vẻ. Tôi ước trông cô đừng đổi cái hảo ý ấy, cô rần rật thiết hành cái lý tưởng mà cô đã bày tỏ với tôi năm ngoái, được như vậy thì sau này gia-đình nhờ lắm, xã hội nhờ lắm.

Thôi, tôi viết mấy hàng này để lại cho cô, gọi là làm lễ từ biệt nhau, từ biệt mà trông trối tôi chẳng

*bao giờ quên hình-dạng cô, chẳng bao giờ hết kính
mến cô, là bạn tri-âm tri-kỹ trăm năm của tôi,*

THUẦN

Bài thơ

Ban đêm trời mát nhưng mà cô Vân đọc thơ
rồi thì cô xuất hăng.

Gia-đình của anh Thuần đã tan nát rồi ! Anh
Thuần đi đâu ? Chị Hoà liệu thế nào ? Hai đứa
nhỏ ra làm sao ? Ấy là mấy câu cô Vân tự hỏi
thăm trong trí, hỏi mà không đáp được, duy nhìn
ngọn đèn, nước mắt chảy ròng-ròng.

Theo lời nói trong thơ, thì tại vợ chồng không
đồng tâm hiệp ý, nên gia đình mới tan rã. Nhưng
mà vợ chồng ở với nhau đã được năm sáu năm,
đã có hai mặt con, vì cớ gì anh Thuần đành đoạn
linh vợ chồng, đành đoạn nghĩa cha con như vậy ?
Cô Vân suy nghĩ rồi muốn biết cái duyên cớ ấy,
nên cô lau nước mắt và dỡ tập « Đoạn tình nhứt-
kỹ » của Thuần ra mà đọc.

ĐOẠN TÌNH NHỰT KỸ

10 Mars. — Mấy bữa trước, lượn sóng tình dôi-
đập âm-âm trong tâm can tôi, nó làm cho tôi
nằm hay ngồi cũng cứ bưng khuôn tư-lự, khó
chịu hết sức.

Đêm hôm qua, chịu không được nữa, tôi mới mở phứt cái mục ghê kín ấy cho rồi. May quá ! Nhờ cô Vân có diệu thuật, cô sẵn có thuốc để trị bịnh tình của tôi, cô liền đâm nhỏ hai hoàn linh-được mà rất vào cái vết thương tâm cho tôi. Hai hoàn linh-được ấy cô đặt hiệu một hoàn là « gia-đình », một hoàn là « danh dự ».

Thuốc thiệt là hay ! Thuốc rất rồi, tuy vết thương tâm chưa lành liền được, song sự đau đớn đã tiêu hết. Bữa nay lòng tôi an tĩnh, trí tôi thơ thoi vô cùng, ngó vợ biết vui, nhìn con biết cảm.

Gia-đình ! . . . Danh-dự ! . . .

Sống trong cái đời thiên hạ đều trọng kim tiền hơn luân lý, đều ham sự vui sướng hơn mùi đạo đức. Sống trong cái đời thiên-hạ đều lo tranh đấu mà đoạt cho được kim tiền để mua sự vui sướng, vậy đập hết thấy đạo đức luân-lý dưới chơn. Thấy đời như vậy, tôi chán-ngạt quá, tính kiếm chỗ mà trốn đặng khỏi nghe những việc trái tai, khỏi gặp những điều gai mắt. Tôi suy nghĩ kỹ lưỡng rồi tôi như định gây dựng gia đình để vui với vợ con mà dẹp mối buồn riêng, lập cuộc thương-mại để hội tri đặng hết nhớ các việc khác.

Ái-tình quý báu gì, hay họ gì mà say mê, để nó dắt đường cho mình đi, rồi nó làm mình gần phải sa ngã !

Tiết-trình với trung-tính là bai đức lớn của

đồng bà con gái. Phụ nữ mà thiếu hai đức ấy thì chẳng có giá-trị gì hết. Cô Vân biết giữ tiết trinh của cô, biết giữ trung tình với bạn, rõ ràng cô là gái cao thượng. Hôm qua cô lấy lời chanh đánh mà khuyên tôi. Tôi chịu ngheo theo, thiệt là may lắm. Nếu tôi để ái-tình lừng lên; nó vầy đập đạo nghĩa, thì tôi thấp hèn hơn cô Vân nhiều lắm vậy.

Tôi rất cảm ơn cô Vân vạch giùm con mắt cho thấy đường phải mà đi. Mà tôi cũng mừng cho tôi biết dừng bước, khỏi lạc vào nẻo quấy.

Từ rày tôi chẳng dám quên cô Vân, tôi phải nhớ cô luôn luôn, nhớ đăng kính đức của cô, nhớ đăng vững chí cho tôi.

15 Avril. — Hồi chiều tôi ngồi dưới bóng cây xoài lớn mà ngắm xem kỳ hoa đua nở trong vườn. Ngọn gió hiu hiu, mùi hoa bát ngát, làm cho lòng tôi cảm xúc. Tôi nhớ hồi năm ngoái, cũng một buổi chiều như vậy, tôi ngồi nói chuyện với cô Vân tại vườn hoa này. Những lời cô khuyên tôi phải đổi lách ý định vợ chồng hoà thuận, vẫn còn vang-vẳng bên tai tôi. Giong cô nói thanh-tao, dạng cô ngồi đẹp dễ, bây giờ tôi tưởng tượng lại mà trong lòng tôi vui vẻ vô cùng.

Tôi đứng sung-sướng cảnh hoa thơm gió mát, tôi đứng suy niệm câu ý vị cao thâm, rồi tâm-hồn tôi mê-mẩn dường như thoát khỏi cõi trần.

Vợ tôi ở trong nhà đi ra bởi nào tôi không

bay, thỉnh-lhuh kêu tôi mà nói lớn : « Minh com đon rồi nấy giờ, sao không chịu vô mà ăn, để đồ nguội lạnh hết. »

Mấy lời ấy làm cho tôi dứt mình, rồi giấc mộng khái lạc của tôi vỡ tan. . . . , cô Vân biến mất. . . . , Uổng hết sức !

2 Mai. — Bữa nay chúa nhật, tôi ở nhà.

Trí rảnh rang rồi sanh buồn-bực, khó chịu quá.

Hồi chiều tôi ra hoa-viên xách nước tưới cây chơi dặng giải muộn. Vợ tôi ngồi trên thềm cửa, tay bồng bé Hảo mà nựng nịu, lại có bé Hậu ôm bắp vế đứng một bên, mẹ hua con, con cười ngả ngớn, cảnh xem phải cảm xúc.

Tôi đứng ngó vào cái cảnh mẹ con đang dịu ăy, tự nhiên tôi bồi hồi trong lòng. Tôi muốn chung hưởng chút đỉnh cái mùi gia-dình thân-ái, nên thưng thẳng tôi đi vô, rồi tay tôi vịn vai vợ tôi, miệng tôi chum-chím cười, tôi cúi xuống mà hôn bé Hảo.

Vợ tôi châu mày không vui, rồi lại lấy tay mà xò cái đầu tôi dang ra và nói xằng lè : « É ! Làm giống gì vậy nào ! Hưn con nhỏ sờ gò má cho mà coi ».

Mấy lời ấy làm cho sự vui của tôi hóa ra buồn liền, chẳng khác nào thùng nước đổ vào ngọn lửa mới phát cháy. May lúc ấy nhờ có bé Hậu chạy lại ôm cánh tay tôi và nói : « Ba hưn con nữa

chờ ». Tôi lật đặt bông bé Hậu mà hun tro trất, mượn tình cha con nũng-na để thế cho tình vợ chồng lộn-lộn.

Tại sao vợ tôi không muốn cho tôi hưởng chút mùi hạnh-phước trong gia-dình ?

Tôi phải tìm hạnh phúc khác mà hưởng hay sao ?

Ngồi nhứt-ký việc này, tôi ứa nước mắt.

Mạng số gì mà muốn vui-vẻ lại không thể vui-vẻ được.

5 Juin. — Đêm nay trời mưa rĩ rã từ hồi mới đổ đèn. Tôi ngồi trong thư-phòng mà xem xét lại mấy cuốn sổ thầu xuất của hãng tôi đã đem về hồi tối. Tôi đương chăm chỉ dò mấy hàng sổ. Vợ tôi bước vào Tôi hay, nhưng vì trí mắc chăm lo công việc tôi đương làm, nên tôi không lưu tâm đến.

Vợ tôi đi lại cái ghế xít-đu mà nằm.

Trời cứ mưa hoài, mà bây giờ mưa thiệt lớn, lại thêm nổi giông, rồi gió tạt giọt mưa vào mặt tường ở ngoài, dội tiếng nghe lại sạt từ luống.

Thình lình vợ tôi hỏi : « Mấy tháng nay chị Vân không đến nhà mình nữa, tại sao vậy, mình ? »

Tôi chưng-bửng, ngược mặt lên mà đáp :

— Sao mình lại hỏi tôi ?

— Tôi chắc mình hiểu, nên tôi mới hỏi chờ sao.

— Làm sao mà tôi hiểu được.

— Thiệt mình không hiểu hay sao ?

— Không

Vợ tôi đứng dậy ngó tôi, thấy tôi cứ xem xét sổ sách thì bỏ đi ra, mà sắc mặt dầm-dầm.

Tại sao vợ tôi lại hỏi tôi về sự cô Vân mấy tháng nay không đến nhà ? Vợ tôi ghen cô Vân hay sao ? Nếu ghen thì sao trong ba tháng nay không nói động đến cô Vân, đợi tới bây giờ mới mở hơi ?

Mấy đứa ở trong nhà mới kể vạch hay sao ? Hay là hồi sớm mời chị Quý ra thăm rồi đặt đèn sao đó ?

8 *Juin.* — Ba bữa rày trí tôi không an.
Nếu vợ tôi ghen cô Vân, thì nhục cho thái-độ cao-thượng của cô lắm.

Cô Vân đã khổ tâm lo chống vững gia-đình cho tôi. Nếu cô không được thưởng công, mà lại còn phải mang tiếng xấu, thì tội nghiệp cho cô, mà cũng hổ cho tôi lắm.

Không được. Tôi không cho ai được phép nói nhục cô Vân, là người tôi trọng, mà ai cũng phải kính.

9 *Juin.* — Không thể ôm-ấp cái điều nghi hoặc trong lòng được nữa, nên tối nay tôi thấy vợ tôi nằm một mình trong phòng khách đơn bà, tôi bèn hỏi : « Tại sao cô Vân không ~~lên~~ chơi nữa, mà bữa hôm mình lại hỏi tôi ? »

Vợ tôi ngồi dậy, rồi cười lại mà đáp :

— Tôi hỏi mình là vì tôi nghĩ hôm tôi sanh, chị Vâu lên ở chơi với tôi, mình chọc gheo chỉ, làm cho chỉ phiền, nên chỉ không lên nữa chờ gì. Phải vậy hay không ?

— Mình coi giá trị của tôi rẻ quá.

— Thứ đờn ông thấy đờn-bà con gái cũng như bướm-bướm thấy ngọn đèn, cứ bu vào, kể gì là phải quấy.

— Té ra mình sắp tôi theo hạng hạ-lưu kia, thấy ai cũng ve hết thấy bà ?

— Hạ-lưu hay là thượng-lưu cũng vậy.

— Cha chã ! Bây giờ mình nghĩ tôi kết tình với cô Vân nữa à ?

— Không. Mình làm sao kết tình với chị Vân được mà tôi nghĩ. Tôi làm chị em với chỉ thuở nay, tôi biết rõ tánh tình chỉ, nên tôi tin chỉ lắm, tôi có nghĩ bậy như vậy đâu. Tôi nghĩ là nghĩ mình trở mặt dè với chỉ, mình làm cho chỉ buồn, nên chỉ không thêm tôi nữa chờ.

— Nhục tôi quá !

— Nhục chỗ nào ? . . . Tôi hỏi mình, vậy chờ mình có bụng muốn chị Vân hay không, mình nói thiệt đi.

Vợ tôi hỏi câu đó mà chong mắt ngo tôi lờm-lờm.

Tôi bối-rối hết sức, không biết phải trả lời thế nào. Nếu tôi chối, thì tôi là người chồng giả-

đối. Nếu tôi chịu thiệt tôi yêu cô Vân, thì niền vợ chồng sẽ ra làm sao?

Tôi châu mày lưỡng lự. Vợ tôi thôi-thức : « Tôi hỏi mình có bụng muốn chị Vân hay không ? Trả lời đi, »

Tôi nghiêm sắc mặt mà đáp : « Không phải tôi muốn cô Vân. Vì cô là người có giáo-dục hoàn-toàn, có đồng tâm hiệp ý với tôi, nên tôi yêu cô, yêu mà tôi kính, chứ không phải tôi muốn. »

Vợ tôi nói : « Hừ ! Thử đờn ông thú, thấy ai cũng muốn hết. Muốn tới chị Vân, đó khỏi bị cui mắng mà mang xấu. »

Tôi rùn vai rồi bỏ đi qua thư-phòng.

— Yến tước khởi tri hồng học chi !

18 Aoá! — Trot nai tháng nay, tuy vợ tôi không nhắc tới cô Vân nữa, song cứ ghen gió ghen mây, theo kiếm chuyện gây gổ với tôi hoài, gây chuyện quá vắn, rồi gây hờ chuyện tương-lai, làm cho trong gia-dình buồn tanh, buồn đến nỗi tôi thất chí, hết muốn lo việc thương mãi nữa.

Cảnh đời như vậy có thú vị gì đâu mà quyến-luyến ?

Hôm nay sao trong trí tôi nó nảy ra cái trí muốn hoặc chết phứt cho rồi dặng thoát khỏi cái vòng khò náo về tâm hồn, hoặc cạo đầu đi tu dặng lánh xa các thói dề tiện của trần-tục. Tôi nghĩ như vậy, mà tôi thấy hai đứa con của tôi còn ngây

thơ, tôi tội nghiệp cho chúng nó quá, nên không đành chết, mà cũng không nở di tu.

Tôi buồn quá, cô Vân ơi ! Cái đời của tôi thuở nay tôi hưởng hạnh-phước chỉ được có một vài phút đồng hồ mà thôi. Là lúc đôi ta phát biểu ái-tình cùng nhau đêm nọ trong thơ-phòng đó. Hưởng hạnh phước được có bao nhiêu đó, nghĩ thiệt là ít lắm.

Cô Vân ơi, tôi khổ tâm lắm, cô có biết giúp cho hay không ? . . . Vì gia-đình, vì danh dự, mà tôi phải chịu đau đớn buồn thảm như vậy ! . . . Cái giá của thái-độ thanh cao thiệt là mắc, muốn mua cho được nó, phải tốn không biết bao nhiêu nước mắt, phải mất không biết bao nhiêu giấc ngủ.

Tôi buồn rầu, giờ chỉ có người tri-kỹ ở gần mà khuyên giải, thì có lẽ khuấy lảng được. Ngặt vì người tri-kỹ của tôi, tôi không được gần . . . Mà thiệt không nên gần, bởi vì hề gần nhau thì chắc phải mang tiếng nọ, không làm sao mà tránh khỏi. . . Khổ lắm !

15 Octobre. — Vợ tôi cũng cứ giữ thói ghen hoài. Khờ khạo quá ! Đờn bà nếu muốn cho chồng thương trọn một mình mình, đừng thương người nào khác nữa, thì phải gia tâm làm thế nào cho chồng vui với mình, không thể nhớ ai khác ; chớ ghen làm chi, ghen rồi nói bậy làm cho chồng buồn khiến trí nó tuởng tới người khác, mình làm sao

hiều thẫu.

Vợ tôi càng ghen bao nhiêu, thì tôi càng yêu cô Vân bấy nhiêu. Vợ tôi có biết được cái tâm hồn của tôi như vậy đâu. Mà có lẽ cô Vân cũng không biết.

Cô Vân biết hay là không biết cũng không quan hệ gì. Tôi yêu cô, tôi biết, thì đủ rồi, vì yêu cô dặng bớt sự buồn về gia-đình, yêu nhau mà chẳng làm lụy nhau, thì không phạm danh phạm nghĩa chi đó mà sợ.

Không được yêu về phần xác, thì yêu về phần trí, ai ngăn cản tôi được, ai biết được mà chê cười.

8 Décembre.— Hồi trưa, có một người bạn học ghé hảng thăm tôi. Người ấy thuật cho tôi nghe một chuyện khốn-nạn hết sức : hai nhà trí thức thân thích với nhau lắm; thường tới lui chơi với nhau, nhiều khi người này dắt vợ người kia đi xem hát, hoặc người kia đi hứng gió với vợ người này.

Cách cư-xử như vậy đã không hợp luân-lý rồi, mà hai nhà trí-thức ấy gần gũi nhau rồi lấy vợ nhau thì còn luân-lý gì nữa mà nói !

Người ta nói đời mỗi ngày mỗi thêm văn-minh, mà kỳ thiệt mỗi ngày mỗi tuổi hóa, trở lại dã-man họ không hay, bởi vì thêm văn-minh về hình thức, còn trở dã man về phong tục.

Đời như vậy thì còn gì là danh-dự, còn gì là

gia-dinh !

Dư giáo dục trí-thức, thiếu giáo-dục luân-lý, xã-hội mới hóa ra như thế.

Chán-ngán quá ! ..

8 Janvier. — Có một quyển tiểu-thuyết mới xuất bản, Tôi buồn quá, nên mua mà đọc dặng giải tẻ. Trời ơi ! Đọc quyển tiểu-thuyết ấy tôi rợn ốc từ hồi.

Gớm quá !

Tác-giã tả một người trai tân-thời ? đối với cha mẹ thì nói rằng vì cha mẹ ham vui mà sanh mình ra, nên chẳng có ơn nghĩa gì ; tả một cô gái có chồng rồi bỏ chồng đi theo trai, lại nói rằng trai tìm tự-do không ai được phép kèm chế ! Khốn nạn cực điểm !

Đời đương ấy có đáng cho mình quyển luyện hay không ?

14 Février. — Cô Vân ôi ! Theo ái-tình của bậc cao thượng, thì thương tưởng nhau, yêu mến nhau, yêu mến nhau trong trí cũng đủ, chẳng cần phải ở chung một nhà.

Tuy vậy mà người cao-thượng cũng có máu thịt, cũng có ruột gan như hạng bình-dân, bởi vậy nhiều khi cũng biết đau đớn về sự thương mà không được gần về sự nhờ mà không được nói ra.

Vì trọng luân-lý mà phải chịu thống-khổ như vậy.

Có thảo hiệu hay không, cô Vân ?

25 Mars. — Ngày nay tôi thấy rõ gia-đình của tôi là cảnh địa-ngục. Nếu lân-la ở đó hoài, thì khổ thêm hoài. Vậy tôi phải giải thoát cái vòng khổ nạn ấy, dầu ý tôi không muốn và dầu cô Vân không vui.

Giải-thoát cách nào ?

Trí tôi còn lơ mơ, chưa nhưt định.

5 Avril. — Bữa nay tôi quyết định cái đường tương-lai của tôi rồi. Tôi sẽ bỏ hết mà bước qua đường ấy.

Vì gia-đình của tôi buồn bực, nên tôi phải lo làm sao cho muốn ngàn gia-đình khác ngày sau được đầm ấm thuận hoà.

Vì luân-lý của xã hội suy bại, nên tôi phải lo làm sao mà thuận mỹ luân-lý ấy lại.

Việc tôi tính làm đây dầu thành hay là không thành, nó cũng làm cho tôi quên được những nỗi buồn vì gia-đình vô phước, vì ái-tình bất mãn của tôi.

*
* *

Cô Vân đọc dứt tập « Đoạn tình nhưt kỷ » của Thuần rồi thì cô ngẩn ngơ, trong lòng càng cảm hơn là đọc bức thơ hồi nãy nữa. Tư bề vắng-vẽ, trước ngọn đèn dầu leo lét, giọt lụy sầu lâm-lã tuôn rơi.

Cô Vân áo não là vì cô được biết trót một năm nay Thuần khổ tâm lung lắm, khổ tâm vì gia-đạo bất hoà, mà cũng khổ tâm vì ái-tình bất mãn. Cô đã lo giữ gìn cho gia-đình của cô Hoà được bền vững, lẽ ra chung cuộc rồi cũng phải rã rời. Cô đã giữ danh tiết của cô được vẹn toàn, mà rồi Thuần phải khổ tâm thất chí ! Cô tự nhận cô có tội ít nhiều trong sự rời-rã gia-đạo của bạn, mặc dầu tiết nữ-nhĩ của cô vẫn thanh cao, tình bằng hữu của cô khỏi hổ thẹn.

Anh Thuần đã bỏ nhà cửa vợ con mà đi rồi. Đi đâu ? Anh nói anh đi lo làm cho gia-đình tương lai được đầm ấm và lo làm cho luân-lý xã hội được thanh cao. Anh làm cách nào ? Trí viễn-vọng của anh sẽ làm cho anh được thoả mãn, hay là sẽ làm cho anh thất chí nữa ? Bức phiêu lưu sẽ đưa anh đến cảnh an nhàn, hay là sẽ dặt anh vào nơi khổ não khác ?

Còn anh Thuần đi rồi, bây giờ chị Hoà với hai đứa nhỏ ra làm sao ? Chị Hoà có buồn rầu chẳng ? Hai đứa nhỏ nhớ cha hay không ? Hạng « Thuần-Hoà » ai chỉ ny quản suất ?

Cô Vân áo não về những nỗi ấy, mà cô khóc một hồi rồi cô lại tức giận Anh Thuần còn thấp trí, còn yếu tánh quá, vì thấp và yếu nên mới dễ cái tiết nhỏ dè trên cái tiết lớn được. Gia-đình là một cơ-quan trọng hệ. Anh đã biết như vậy, nên

anh đã dày công gây dựng gia-đình. Mà sao anh lại không biết ngó lơ những cái bất hòa nhỏ nhen trong gia-đạo, sao anh lại không biết đàn áp mãi ái-tình bất nghĩa trong thâm tâm, mà bảo thủ gia-đình, để thất chí về chỗ bất hòa của vợ và bất mãn về chỗ cao-khiết của tình, rồi xô ngã cả gia đình, cả cuộc làm ăn, cả một đời sống chưa chẵn hừa hẹn.

Dở ! Dở lắm !

Cô Vân bứt rứt, không ngồi yên được nữa. Cô đứng dậy mở cửa sổ mà ngó ra vườn. Ngoài vườn im-liêm. Cây cỏ sững-sợ, dường như lòng nghe tiếng cô Vân thở-than, rồi chờ đợi cô xử trí. Cô đứng ngó vào cảnh lơ-mơ một hồi rồi cô quyết định phải đi lên Saigon, lên coi gia-đạo của Thuần trở ra thế nào, nhất là leo đảng an ủi và giúp đỡ cô Hòa, mặc dầu cô không hiểu mà nghi cho tình của mình cũng được.

Đã quyết định rồi, cô Vân mới đóng cửa, bỏ thư từ của Thuần vào hộp tủ, rồi lên giường mà nằm, nhờ trí ý thanh cao, hên lương-tâm an tĩnh.

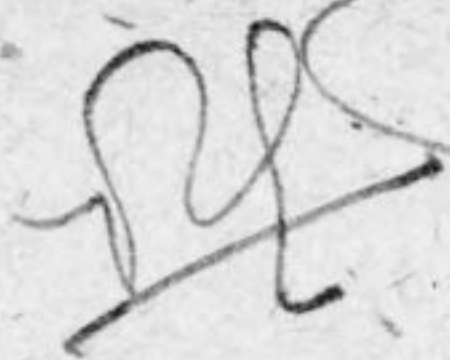
(Sau sẽ tiếp theo)

Autorisée par arrêté du Gouverneur Général

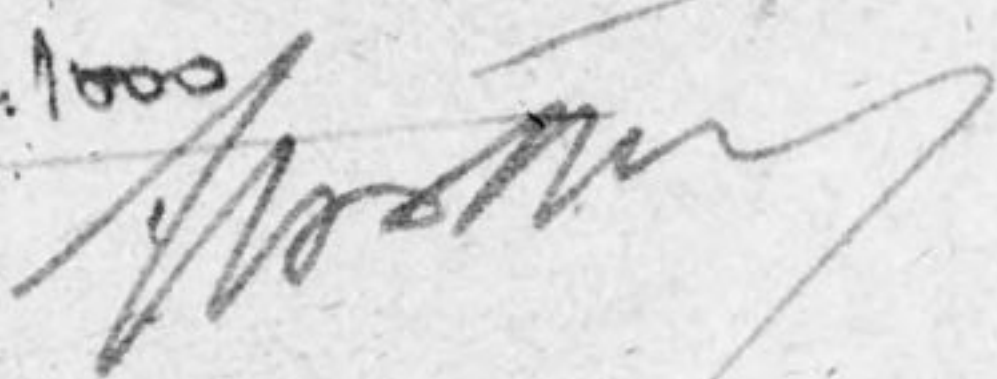
N° 500N du 17 Jui'et 1942

Imprimerie THANH MẬU
3, rue de Reims — Saigon

L'Administrateur Gérant
— HỒ VĂN KỶ-TRẦN —



Trang: 1000





Giá : 2 \$ 20